

MỤC LỤC

Lời nói đầu:

Bài 1: Thực hành thiết kế kế hoạch bài học theo môn học

.....

Bài 2: Thực hành dạy học tích cực theo môn học

.....

Bài 3: Thực hành đánh giá theo môn học

.....

Phụ lục:

1. Kế hoạch bài học một số môn (minh họa)

.....

2. Đề kiểm tra học kì một số môn (minh họa)

.....

Tài liệu tham khảo

DANH MỤC CÁC CHỮ VIẾT TẮT

Chữ viết đầy đủ	Chữ viết tắt
Giáo viên nòng cốt	GVNC
Người tham gia	NTG
Phương pháp dạy học	PPDH
Kỹ thuật dạy học	KTDH
Đánh giá kết quả học tập	ĐGKQHT
Thiết bị dạy học	TBDH
Công nghệ thông tin	CNTT
Kế hoạch bài học	KHBH
Dạy học dự án	DHDA
Dự án	DA
Thiết kế kế hoạch bài học	TKKHBH
Kết quả học tập	KQHT

Lời nói đầu

Mô đun “**Thực hành Dạy học tích cực theo môn và đánh giá theo môn học**” được coi là phần thực hành, vận dụng cụ thể cho những lý luận về học tích cực; đổi mới đánh giá kết quả học tập; sử dụng hiệu quả thiết bị dạy học và ứng dụng công nghệ thông tin theo đặc thù của mỗi môn học, quán triệt đặc điểm giới và dân tộc thiểu số nhằm tăng cường năng lực dạy học tích cực và đánh giá theo môn học cho giáo viên THCS nông thôn vùng khó khăn nhất.

THỰC HÀNH DẠY HỌC TÍCH CỰC VÀ ĐÁNH GIÁ THEO MÔN HỌC

Bài 1. Thực hành thiết kế kế hoạch bài học theo môn học (4 buổi)

Mục đích

Nâng cao năng lực cho GVNC về thiết kế kế hoạch bài học theo hướng học tích cực nhằm giúp NTG có khả năng vận dụng những kiến thức và kỹ năng đã học trong TKKHBH theo đặc thù môn học.

Mục tiêu

Sau bài học, NTG có khả năng:

- Hiểu bản chất một số kỹ thuật dạy học & PPDH; PP đánh giá KQHT của HS; Sử dụng TBDH hiệu quả và ứng dụng CNTT trong thiết kế KHBH theo môn học
- Vận dụng được một số kỹ thuật & PPDH; PP đánh giá; Sử dụng TBDH hiệu quả và ứng dụng CNTT trong thiết kế KHBH theo môn học.

Phương tiện đánh giá

- Kết quả làm bài tập với các phiếu Bài tập
- Thiết kế KHBH của các môn học

Tài liệu cần

- Các phiếu bài tập:
 - + Số 1: *Hãy nêu tên KTDH/ PPDH mà Thầy/ cô thường dùng trong giờ dạy*
 - + Số 2: *Liệt kê những phương pháp đánh giá kết quả học tập của học sinh mà Thầy/ cô thường sử dụng*
 - + Số 3: *Kể tên một số thiết bị dạy học mà Thầy/ cô thường sử dụng trong dạy học*

+ Số 4: *Thầy/ cô thường gặp những khó khăn gì khi ứng dụng CNTT trong dạy học?*

+ Số 5: *Đọc, nghiên cứu tư liệu về KTDH (tư liệu 1); PPDH (tư liệu 2); Về đánh giá KQHT của HS (tư liệu 3); về sử dụng TBDH hiệu quả (tư liệu 4); về ứng dụng công nghệ thông tin (tư liệu 5)*

+ Số 6: *Theo Thầy/ cô, để thiết kế được một kế hoạch bài học tốt cần phải lưu ý những điểm nào?*

+ Số 7: *Thực hành thiết kế KHBH theo môn (cá nhân hoặc nhóm).*

- Tài liệu phát tay: Tư liệu về một số PP và KT dạy học tích cực

Tư liệu về một số PP và kĩ thuật đánh giá

Tư liệu về sử dụng TBDH hiệu quả

Tư liệu về ứng dụng CNTT trong dạy học

Bài 1. Thực hành thiết kế kế hoạch bài học theo môn học

Hoạt động 1: Đọc, nghiên cứu và trình bày ngắn gọn những điểm cơ bản về PPDH; ĐGKQHT, về sử dụng TBDH hiệu quả và ứng dụng CNTT			
	Hoạt động của người hướng dẫn	Hoạt động của người tham gia	Ghi chú
10 phút	- Chia lớp thành 4 hoặc 8 nhóm, giao nhiệm vụ cho mỗi nhóm theo phiếu học tập: số 1,2,3,4 - Hướng dẫn sử dụng kỹ thuật khăn trải bàn. Phát giấy A₀...	- Lắng nghe - Tạo nhóm, bầu nhóm trưởng, thư kí - Lắng nghe và nhận giấy A₀, bút... 	Phát phiếu học tập số 1,2,3,4
30phút	- Yêu cầu mỗi cá nhân viết vào góc khăn của mình trong thời gian 10 phút. - Trao đổi nhóm và ghi ý kiến nhóm vào ô chính giữa khăn trong thời gian 20 phút	- Cá nhân suy nghĩ, viết ý kiến lên góc khăn của mình - Trao đổi, thống nhất ý kiến của nhóm, ghi vào giữa khăn	- Sử dụng Ao cho các nhóm có kẻ ô để cá nhân ghi ý kiến, ô giữa dành cho nhóm. - Nếu lớp đông, bố trí 2 HV ghi 1 góc khăn

	- Đề nghị mỗi nhóm trình bày trước lớp. Yêu cầu ngắn gọn.	Thảo luận nhóm. Thư kí ghi lại các ý kiến thảo luận và cử đại diện trình bày 	Không sử dụng tài liệu khi thảo luận nhóm (chỉ vận dụng kỹ thuật động não)
55 phút	- Tổ chức cho các nhóm báo cáo kết quả: + Yêu cầu nêu rõ những điểm đã thống nhất, những điểm đã bổ sung, những điểm bảo lưu và lí do.	- Đại diện nhóm trình bày, lớp bình luận	- Các nhóm lần lượt trình bày (chú ý không nhắc lại những ý trùng lặp)
5 phút	- Kết luận (nếu cần)	- Cá nhân lắng nghe, ghi chép, bổ sung vào tư liệu và hỏi nếu chưa rõ	- Chú ý: Tận dụng tất cả các ý kiến của cá nhân, nhóm, không nhắc lại ý kiến đúng. - Sản phẩm: Khăn trải bàn tập hợp ý kiến cá nhân, nhóm

10 phút	- Thực hiện kĩ thuật các mảnh ghép:	- Chia thành 4 hoặc 8 nhóm theo môn	
90 phút	Vòng 1: - Chia lớp thành 4 hoặc 8 nhóm theo môn học (nếu môn nào đông sẽ chia thành 2 hoặc 3 nhóm). Mỗi nhóm thực hiện một nhiệm vụ (nhóm 1: nghiên cứu tư liệu 1, nhóm 2: tư liệu 2; nhóm 3: tư liệu 3; nhóm 4: tư liệu 4)	- Nhận tài liệu và cá nhân trong từng nhóm đọc tài liệu theo phân công	
40 phút	- Yêu cầu cá nhân nghiên cứu tư liệu (mỗi nhóm chỉ nghiên cứu kĩ 1 loại tư liệu) - Tổ chức thảo luận nhóm theo môn, thống nhất ý kiến chung Vòng 2: - Chia lại nhóm, đảm bảo mỗi nhóm	- Thảo luận nhóm, thống nhất đáp án - Các câu hỏi và câu trả lời của vòng 1 được các thành viên trong nhóm mới chia sẻ đầy đủ thông tin với nhau	- Phát phiếu bài tập số 5 - Mỗi nhóm chỉ nhận một loại tư liệu



25 phút	mới đều có các thành viên của 4 nhóm cũ - Tổ chức cho các thành viên của 4 nhóm chia sẻ thông tin từ các nhóm của mình và đảm bảo các thành viên trong nhóm mới đều hiểu được tất cả nội dung ở vòng 1 thì tiếp tục thực hiện nhiệm vụ mới - Phát phiếu bài tập số 6 và số 7		
55 phút	- Tổ chức cho các nhóm báo cáo kết quả - Giải đáp (nếu cần)	Thực hiện phiếu bài tập số 6 - Cử đại diện trình bày trước lớp	Sản phẩm là các ý kiến của cá nhân và của nhóm về giáo án/ KHBH minh họa theo môn
Hoạt động 2: <i>Thực hành thiết kế KHBH theo môn học</i>			
360 phút	- Phát phiếu bài tập số 8 - Thực hành thiết kế KHBH theo môn (có thể theo nhóm môn hoặc cá nhân)	Cá nhân hoặc nhóm  môn thực hành thiết kế KHBH	Sản phẩm là các giáo án/KHBH

90 phút	- Tổ chức góp ý theo nhóm môn		
40 phút	- Tổ chức chia sẻ toàn lớp (nếu còn thời gian hoặc có những vấn đề cần trao đổi chung)	- Đại diện nhóm trình bày, lớp bình luận	Sản phẩm là các giáo án/KHBH đã thực hiện của nhóm có bổ sung ý kiến thảo luận của cả lớp
10 phút	- Kết luận (nếu cần)	- Cá nhân lắng nghe, ghi chép, bổ sung vào tư liệu và hỏi nếu chưa rõ	Tận dụng tất cả các ý kiến của cá nhân, nhóm. Tránh nhắc lại những ý kiến đúng



Phiếu bài tập số 1

***Hãy nêu tên PP/ KTDH mà Thầy/ cô thường dùng trong giờ dạy
(vì sao các PP đó lại thường xuyên được sử dụng)***

Phiếu bài tập số 2

***Liệt kê những phương pháp đánh giá kết quả học tập của học
sinh mà Thầy/ cô thường sử dụng***

Phiếu bài tập số 3

Kể tên một số thiết bị dạy học mà Thầy/ cô thường sử dụng trong dạy học

Phiếu bài tập số 4

Thầy/ cô thường gặp những khó khăn gì khi ứng dụng CNTT trong dạy học?

Phiếu bài tập số 5

Đọc, nghiên cứu tư liệu về KTDH (tư liệu 1a); về PPDH (tư liệu 1b); Về đánh giá KQHT của HS (tư liệu 2); về sử dụng TBDH hiệu quả (tư liệu 3);

Phiếu bài tập số 6

- Đọc, nghiên cứu tư liệu về ứng dụng công nghệ thông tin (tư liệu 4)

Phiếu bài tập số 7

- Theo Thầy/ cô, để thiết kế được một kế hoạch bài học tốt cần phải lưu ý những điểm gì?

Phiếu bài tập số 8

Thực hành thiết kế KHBH theo môn (cá nhân hoặc nhóm). Có thể tham khảo KHBH sau:

Kế hoạch bài học (minh họa)

Môn học :

Tên bài học/ phần, chương:

Những kiến thức HS đã biết có liên quan đến bài học	Những kiến thức mới trong bài học cần được hình thành cho HS

--	--

I. Mục tiêu

1. Kiến thức
2. Kỹ năng
3. Thái độ

Chú ý: (dựa vào chuẩn KT, KN môn học và được trình bày bằng các động từ hành động để có thể đo hoặc quan sát được)

II. Chuẩn bị

1. Đồ dùng dạy học
 - Học sinh
 - Giáo viên
2. Phương pháp dạy học

III. Các hoạt động dạy - học

Thời gian	Nội dung	Hoạt động của GV	Hoạt động của HS	Đồ dùng/ thiết bị dạy học
	Các nội dung theo SGK và có thể là nội	(Các câu hỏi hoặc yêu cầu) của GV điều khiển hoạt động học tập của HS thường gồm: + Nội dung công việc mà HS phải	(Nên ghi rõ các hoạt động của HS, không nên ghi các câu trả lời đã có trong	

	dung bảng)	ghi làm; + Hình thức tổ chức; + Điều kiện thực hiện (đồ dùng HT; thời gian làm việc)	SGK)	
--	---------------	--	------	--

Lưu ý:

Các hoạt động tương ứng với các nội dung chính và được diễn đạt bằng động từ)

Có thể linh hoạt, không nhất thiết phải 5 cột !

TƯ LIỆU 1: VỀ KỸ THUẬT DẠY HỌC

1.1. Kỹ thuật khăn trải bàn

Khái niệm:

Là kỹ thuật dạy học mang tính hợp tác kết hợp giữa hoạt động cá nhân và hoạt động nhóm nhằm kích thích, thúc đẩy sự tham gia tích cực, tăng cường tính độc lập, trách nhiệm của cá nhân HS cũng như phát triển mô hình có sự tương tác giữa HS với HS



Cách tiến hành :

- Chia HS thành các nhóm và phát giấy A_0 cho các nhóm.
- Chia giấy A_0 thành phần chính giữa và phần xung quanh. Chia phần xung quanh thành các phần theo số thành viên của nhóm (Ví dụ nhóm 4 người). Mỗi người ngồi vào vị trí tương ứng với phần xung quanh.
- Mỗi cá nhân làm việc độc lập trong khoảng vài phút, suy nghĩ về câu hỏi, chủ đề và viết vào phần mang số của mình.
- Khi hết thời gian làm việc cá nhân, các thành viên trong nhóm chia sẻ, thảo luận, thống nhất câu trả lời
- Ý kiến thống nhất của nhóm được viết vào phần chính giữa.

Một số lưu ý khi tổ chức dạy học theo kỹ thuật khăn trải bàn:

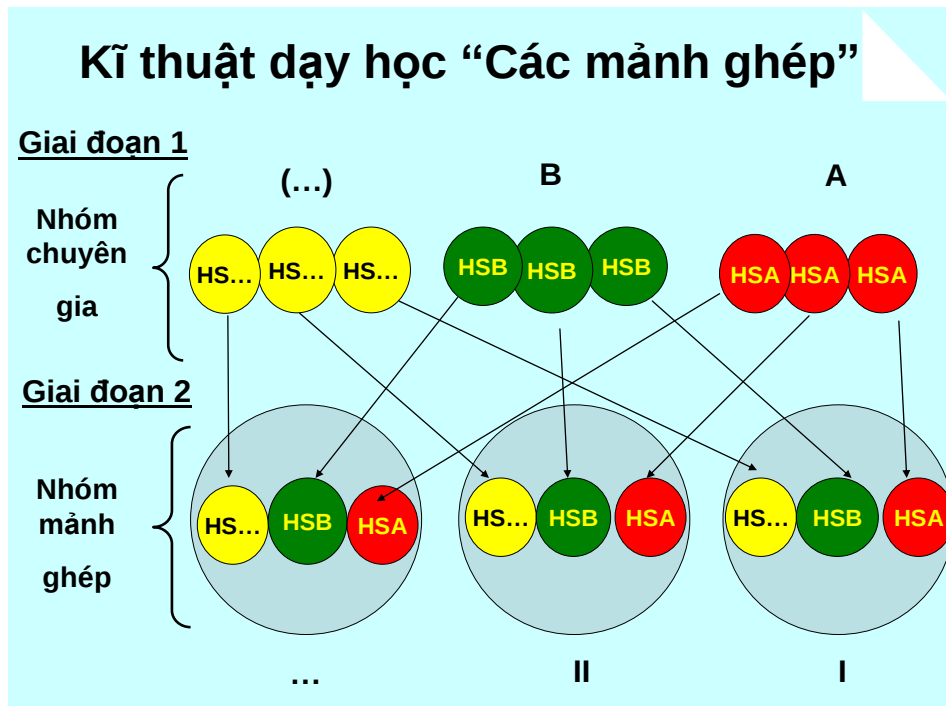
- Nếu số HS trong một nhóm quá đông, có thể phát cho HS những mảnh giấy nhỏ để HS ghi lại ý kiến cá nhân. Sau đó đính những ý kiến vào phần khăn mang số của họ
- Trong quá trình thảo luận, có thể đính những ý kiến thống nhất vào giữa khăn. Những ý kiến trùng nhau có thể đính chồng lên nhau. Nếu có những ý kiến chưa thống nhất và cá nhân vẫn bảo lưu thì đính ở phần xung quanh khăn trải bàn (khi trình bày có thể chia sẻ toàn lớp hoặc với riêng giáo viên)

1.2 Kỹ thuật các mảnh ghép

Khái niệm:

Là kỹ thuật dạy học mang tính hợp tác kết hợp giữa cá nhân, nhóm và liên kết giữa các nhóm nhằm giải quyết một nhiệm vụ phức hợp, kích thích sự tham gia tích cực cũng như nâng cao vai trò của cá nhân học sinh trong quá trình hợp tác

Cách tiến hành :



Vòng 1: “Nhóm chuyên gia”

- Lớp học sẽ được chia thành các nhóm (khoảng từ 3 - 6 người).
Mỗi nhóm được giao một nhiệm vụ với những nội dung học tập khác nhau. Ví dụ:

- + Nhóm 1- Nhiệm vụ A (màu vàng)
- + Nhóm 2- Nhiệm vụ B (màu xanh)
- + Nhóm 3- Nhiệm vụ C (màu đỏ)

- Mỗi cá nhân làm việc độc lập trong khoảng vài phút, suy nghĩ về câu hỏi, chủ đề và ghi lại những ý kiến của mình

- Khi thảo luận nhóm phải đảm bảo mỗi thành viên trong từng nhóm đều trả lời được tất cả các câu hỏi trong nhiệm vụ được giao và trở thành “chuyên gia” của lĩnh vực đã tìm hiểu và có khả năng trình bày lại câu trả lời của nhóm ở vòng 2

Vòng 2: “Nhóm mảnh ghép”

- Hình thành nhóm mới khoảng từ 3 - 6 người (bao gồm 1 - 2 người từ nhóm 1; 1 - 2 người từ nhóm 2; 1 - 2 người từ nhóm 3...), gọi là “nhóm mảnh ghép”
- Các câu hỏi và câu trả lời của vòng 1 được các thành viên trong nhóm mới chia sẻ đầy đủ với nhau
- Khi mọi thành viên trong nhóm mới đều hiểu được tất cả nội dung ở vòng 1 thì nhiệm vụ mới sẽ được giao cho các nhóm để giải quyết
- Các nhóm mới thực hiện nhiệm vụ, trình bày và chia sẻ kết quả

Một số lưu ý khi thực hiện kĩ thuật các mảnh ghép

- Đảm bảo những thông tin từ các mảnh ghép ở vòng 1 khi được ghép lại với nhau có thể hiểu được bức tranh toàn cảnh của một vấn đề và là cơ sở để giải quyết một nhiệm vụ phức hợp ở vòng 2.
- Các “chuyên gia” ở vòng 1 có thể có trình độ khác nhau, nên cần xác định các yếu tố hỗ trợ kịp thời để tất cả mọi “chuyên gia” có thể hoàn thành nhiệm vụ ở vòng 1, chuẩn bị cho vòng 2
- Số lượng mảnh ghép không nên quá lớn để đảm bảo các thành viên có thể truyền đạt lại kiến thức cho nhau.
- Đặc điểm của nhiệm vụ mới ở vòng 2 là một nhiệm vụ phức hợp và chỉ có thể giải quyết được trên cơ sở nắm vững những kiến thức đã có ở vòng 1. Do đó cần xác định rõ những yếu tố cần thiết về kiến thức, kĩ năng, thông tin,... cũng như các yếu tố hỗ trợ cần thiết để giải quyết nhiệm vụ phức hợp này
- Khi thực hiện nhiệm vụ, cần phân công rõ ràng vai trò và nhiệm vụ của các thành viên trong nhóm như sau:

Vai trò	Nhiệm vụ
Trưởng nhóm	Phân công nhiệm vụ
Hậu cần	Chuẩn bị đồ dùng tài liệu cần thiết
Thư kí	Ghi chép kết quả
Phản biện	Đặt các câu hỏi phản biện
Liên lạc với nhóm khác	Liên hệ với các nhóm khác
Liên lạc với thầy cô	Liên lạc với giáo viên để xin trợ giúp

1.3. Kỹ thuật thảo luận viết (Brainwriting)

Khái niệm:

Thảo luận viết hay động não viết là một hình thức biến đổi của động não. Trong thảo luận viết thì những ý tưởng không được trình bày miệng mà được từng thành viên tham gia trình bày ý kiến bằng cách viết trên giấy về một chủ đề.

Trong thảo luận viết, các đối tác sẽ giao tiếp với nhau bằng chữ viết. Các em đặt trước mình một vài tờ giấy chung, trên đó ghi chủ đề ở dạng dòng tiêu đề hoặc ở giữa tờ giấy. Các em thay nhau ghi ra giấy những gì mình nghĩ về chủ đề đó. Trong khi đó, các em xem các dòng ghi của nhau và cùng lập ra một bài viết chung. Bằng cách đó có thể hình thành những câu chuyện trọn vẹn hoặc chỉ là bản thu thập các từ khóa. Các học sinh có thể thực hiện các cuộc nói chuyện bằng giấy bút cả khi làm bài trong nhóm. Sản phẩm có thể có dạng một bản đồ trí tuệ.

Cách tiến hành :

- Đặt trên bàn 1-2 tờ giấy để ghi các ý tưởng, đề xuất của các thành viên.
- Mỗi một thành viên viết những ý nghĩ của mình trên các tờ giấy đó
- Có thể tham khảo các ý kiến khác đã ghi trên giấy của các thành viên khác để tiếp tục phát triển ý nghĩ.
- Sau khi thu thập xong ý tưởng thì đánh giá các ý tưởng trong nhóm.

Một số lưu ý

- Ưu điểm của kỹ thuật này là có thể huy động sự tham gia của tất cả học sinh trong nhóm.
- Tạo sự yên tĩnh trong lớp học.
- Thảo luận viết tạo ra mức độ tập trung cao. Vì những học sinh tham gia sẽ trình bày những suy nghĩ của mình bằng chữ viết nên có sự chú ý cao hơn so với các cuộc giao tiếp bằng lời nói.
- Các học sinh đối tác cùng hoạt động với nhau mà không sử dụng lời nói. Bằng cách đó, thảo luận viết tạo ra một dạng tương tác xã hội đặc biệt.
- Những ý kiến đóng góp trong cuộc nói chuyện bằng giấy bút thường được suy nghĩ đặc biệt kỹ. Tuy nhiên cần lưu ý vì
 - Có thể học sinh sa vào những ý kiến tản mạn, xa đề
 - Do được tham khảo ý kiến của nhau, có thể một số học sinh ít có sự độc lập

1.4. Kỹ thuật “bể cá”

Khái niệm:

Kỹ thuật bể cá là một kỹ thuật dùng cho thảo luận nhóm, trong đó một nhóm học sinh ngồi trước lớp hoặc giữa lớp và thảo luận với nhau, còn những học sinh khác trong lớp theo dõi cuộc thảo luận đó và sau khi kết thúc cuộc thảo luận thì đưa ra những nhận xét về cách ứng xử của những học sinh thảo luận.

Cách thực hiện

Trong nhóm thảo luận có thể có một vị trí không có người ngồi. Học sinh tham gia nhóm quan sát có thể ngồi vào chỗ đó và đóng góp ý kiến vào cuộc thảo luận, ví dụ đưa ra một câu hỏi đối với nhóm thảo luận hoặc phát biểu ý kiến khi cuộc thảo luận bị chững lại trong nhóm. Cách luyện tập này được gọi là kỹ thuật “nói bể cá”, vì những người ngồi vòng ngoài có thể quan sát những người thảo luận tương tự như xem những con cá bơi trong một chậu cá cảnh. Trong quá trình thảo luận, những người quan sát và những người thảo luận sẽ thay đổi vai trò với nhau.

Một số lưu ý :

- Người nói có nhìn vào những người đang nghe mình nói không ?
- Họ có nói một cách dễ hiểu không ?
- Họ có đề những người khác nói hay không ?
- Họ có đưa ra được những luận điểm đáng thuyết phục hay không ?
- Họ có đề cập đến luận điểm của người nói trước mình không ?
- Họ có lệch hướng khỏi đề tài hay không ?
- Họ có tôn trọng những quan điểm khác hay không ?

1.5. Kỹ thuật “ô bi”

Khái niệm

Kỹ thuật “ô bi” là một kỹ thuật dùng trong thảo luận nhóm, trong đó học sinh chia thành hai nhóm ngồi theo hai vòng tròn đồng tâm như hai vòng của một ô bi và đối diện nhau để tạo điều kiện cho mỗi học sinh có thể nói chuyện với lần lượt các học sinh ở nhóm khác.

Cách thực hiện:

- Khi thảo luận, mỗi học sinh ở vòng trong sẽ trao đổi với học sinh đối diện ở vòng ngoài, đây là dạng đặc biệt của kỹ thuật luyện tập đối tác.
- Sau một ít phút thì học sinh vòng ngoài ngồi yên, học sinh vòng trong chuyển chỗ theo chiều kim đồng hồ, tương tự như vòng bi quay, để luôn hình thành các nhóm đối tác mới.

Một số lưu ý:

- Khi sử dụng kỹ thuật này cần tính toán về thời gian và không gian thực hiện

1.6. Kỹ thuật phản hồi tích cực

Khái niệm:

Thông tin phản hồi (Feedback) trong quá trình dạy học là cách giáo viên và học sinh cùng nhận xét, đánh giá, đưa ra ý kiến đối với những yếu tố cụ thể có ảnh hưởng tới quá trình học tập nhằm mục đích là điều chỉnh, hợp lý hoá quá trình dạy và học.

Cách tiến hành :

- Diễn đạt ý kiến của bạn một cách đơn giản và có trình tự (Không nói quá nhiều)
- Cố gắng hiểu được những suy tư, tình cảm (Không vội vã)
- Tìm hiểu các vấn đề cũng như nguyên nhân của chúng.
- Giải thích những quan điểm không đồng nhất.
- Chấp nhận cách thức đánh giá của người khác.
- Chỉ tập trung vào những vấn đề có thể giải quyết được trong thời điểm thực tế.
- Coi cuộc trao đổi là cơ hội để tiếp tục cải tiến.
- Chỉ ra các khả năng để lựa chọn.

Một số lưu ý:

Khi thực hiện kỹ thuật này cần lưu ý phải có sự cảm thông

- Có kiểm soát
- Được người nghe chờ đợi
- Cụ thể
- Không nhận xét về giá trị
- Đúng lúc
- Có thể biến thành hành động
- Cùng thảo luận, khách quan

TƯ LIỆU 2: VỀ PHƯƠNG PHÁP DẠY HỌC

2.1 PPDH theo hợp đồng

Khái niệm

Học theo hợp đồng là một phương pháp tổ chức môi trường học tập, trong đó HS được giao một hợp đồng trọn gói bao gồm các nhiệm vụ khác nhau (nhiệm vụ bắt buộc và tự chọn) trong một khoảng thời gian nhất định cũng như được quyền chủ động xác định thời gian và thứ tự thực hiện các nhiệm vụ

Trong dạy học theo hợp đồng, GV là người nghiên cứu, thiết kế các nhiệm vụ/ bài tập trong hợp đồng, tổ chức hướng dẫn HS nghiên cứu hợp đồng để chọn nhiệm vụ cho phù hợp với năng lực của mình, kí và cam kết sẽ hoàn thành nhiệm vụ đã chọn sau khoảng thời gian đã định trước nhằm đạt được mục tiêu của bài học

Trong dạy học theo hợp đồng, HS có thể quyết định nhiệm vụ nào cần thực hiện trước và có thể dành bao nhiêu thời gian cho nội dung đó. HS có thể tự chọn hình thức làm việc cá nhân hay nhóm hoặc với sự hỗ trợ của GV hoặc của HS khác để thực hiện các yêu cầu theo hợp đồng đã kí.

Cách tiến hành

- Giáo viên giới thiệu hợp đồng
- Tổ chức kí hợp đồng nhiệm vụ học tập
- Tổ chức, hướng dẫn HS thực hiện hợp đồng
- Tổ chức nghiệm thu hợp đồng
- Đánh giá và nghiệm thu hợp đồng

Một số lưu ý:

Mặc dù PP này có nhiều ưu điểm như: Cho phép phân hóa nhịp độ và trình độ của HS. Tăng cường tính độc lập của HS. Có nhiều cơ hội cho hướng dẫn cá nhân. Hoạt động của HS phong phú hơn. HS được lựa chọn đa dạng hơn, phù hợp với năng lực của từng HS. Nâng cao ý thức trách nhiệm khi thực hiện các nhiệm vụ theo kế hoạch. Tăng cường sự tương tác giữa HS- GV. Tránh chờ đợi...Tuy nhiên cần lưu ý là không phải mọi nội dung đều có thể tổ chức học theo hợp đồng. phải lựa chọn nội dung bài học phù hợp với đặc trưng của của PP học theo hợp đồng. Đặc biệt là hợp đồng phải có các nhiệm vụ bắt buộc và tự chọn (nhiệm vụ bắt buộc phải căn cứ vào chuẩn kiến thức và kỹ năng ,nhiệm vụ tự chọn nhằm củng cố,mở rộng, nâng cao hoặc liên hệ vận dụng những kiến thức kỹ năng liên quan đến nội dung bài học. Các phiếu hỗ trợ phải có các mức độ khác nhau (hỗ trợ ít - nhiều đáp ứng sự phân hoá về trình độ nhận thức của học sinh)...

2.2. PPDH theo góc

Khái niệm:

PPDH theo góc là một phương pháp dạy học, theo đó HS thực hiện các nhiệm vụ khác nhau tại các vị trí cụ thể trong không gian lớp học nhằm tạo ra một môi trường học tập có tính kích thích HS tích cực thực hành, khám phá và trải nghiệm thông qua các hoạt động, đảm bảo cho HS được học sâu và thoải mái

Cách tiến hành

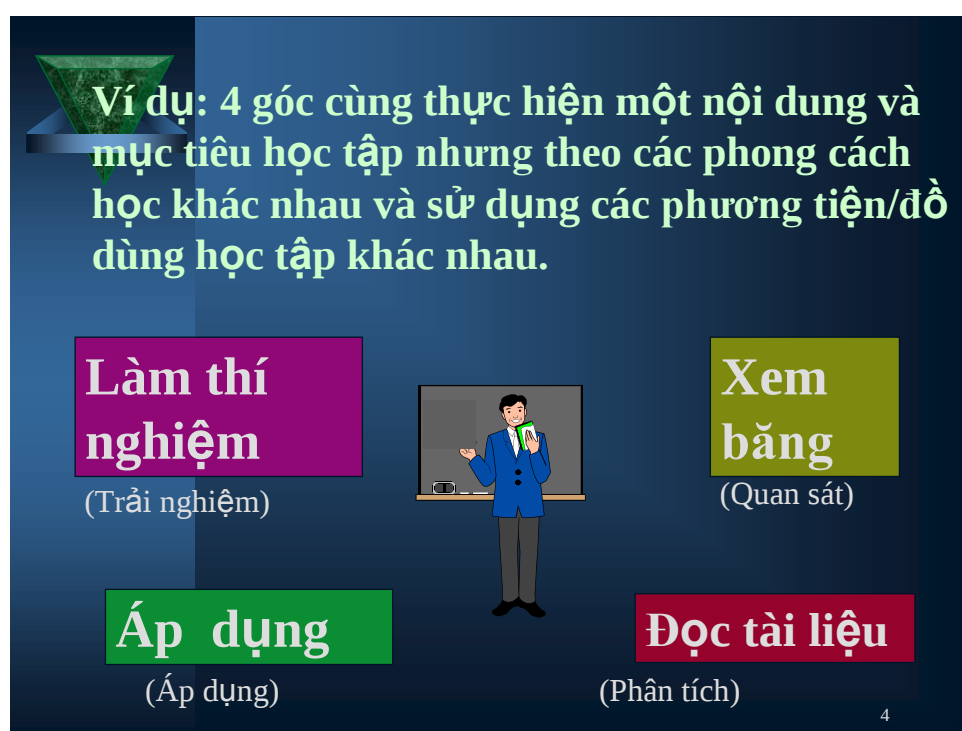
Ví dụ: 4 góc cùng thực hiện một nội dung và mục tiêu học tập nhưng theo các phong cách khác nhau và sử dụng các phương tiện/ đồ dùng học tập khác nhau

Góc quan sát: HS có thể quan sát mẫu vật thật hoặc quan sát hình ảnh vật, thí nghiệm, hiện tượng... trên màn hình máy tính hoặc tivi, rút ra kiến thức cần lĩnh hội.

Góc thí nghiệm (Góc trải nghiệm): HS tiến hành thí nghiệm theo nhóm, quan sát hiện tượng, giải thích và rút ra nhận xét cần thiết.

Góc phân tích: HS đọc tài liệu SGK và tài liệu tham khảo để trả lời câu hỏi và rút ra kiến thức mới cần lĩnh hội.

Góc áp dụng: HS đọc bảng trợ giúp (chỉ đối với góc xuất phát) sau đó áp dụng để giải bài tập hoặc giải quyết một vấn đề có liên quan đến thực tiễn.



Một số lưu ý :

Dạy học theo góc có nhiều ưu điểm vì nó không chỉ kích thích HS tích cực học tập thông qua hoạt động, tăng cường sự tham gia, nâng cao hứng thú và cảm giác thoải mái ở HS, các em được học sâu và hiệu quả bền vững và có nhiều không gian hơn cho những thời điểm HS học tập mang tính tích cực. Tương tác cá nhân cao giữa GV và HS. Cho phép điều chỉnh sao cho thuận lợi phù hợp với trình độ, nhịp độ của HS mà còn có nhiều khả năng lựa chọn hơn cho HS so với dạy học khi GV giảng bài cũng như tạo điều kiện để HS cùng hợp tác học tập theo nhóm tự phát và nhận nhiệm vụ theo năng lực của mình. Tuy nhiên khi tổ chức dạy học theo góc cần lưu ý lựa chọn nội dung cho phù hợp với đặc trưng của PP học theo góc, về không gian lớp học và thời gian làm việc ở các góc cho hiệu quả (có thể tổ chức 3 hoặc 4 góc tùy theo điều kiện và nội dung bài học)

2.3. Phương pháp trường hợp (case study)

Khái niệm:

PP trường hợp (PP nghiên cứu trường hợp, PP tình huống) là một PPDH, trong đó học sinh tự lực nghiên cứu một tình huống thực tiễn và giải quyết các vấn đề mà tình huống đó đặt ra, hình thức làm việc chủ yếu là làm việc nhóm. PP trường hợp là PP điển hình của dạy học giải quyết vấn đề

Phương pháp trường hợp đề cập đến một tình huống từ thực tiễn cuộc sống và nghề nghiệp, tình huống đó đã gặp hoặc có thể gặp trong cuộc sống và công việc nghề nghiệp hàng ngày. Những tình huống đó chứa đựng vấn đề cần giải quyết. Để giải quyết các vấn đề đó đòi hỏi có những quyết định dựa trên cơ sở lập luận. Các trường hợp cần được xử lý về mặt lý luận dạy học. Bên cạnh việc mô tả trường hợp (mô tả sự kiện) cần có sự lý giải, phân tích về mặt lý luận dạy học, dưới dạng những định hướng, trợ giúp cho việc dạy và học phù hợp với mục đích đặt ra.

Cách tiến hành:

Tiến trình các giai đoạn được trình bày sau đây là tiến trình lý tưởng của PP trường hợp. Trong thực tiễn vận dụng có thể linh hoạt, chẳng hạn có những giai đoạn được rút gọn, kéo dài hơn hoặc bỏ qua tùy theo các trường hợp cụ thể.

Các giai đoạn	Mục đích
1. Nhận biết trường hợp: Làm quen với trường hợp.	Nắm được vấn đề và tình huống cần quyết định. Tự nhận biết các mối quan hệ về chuyên môn.
2. Thu thập thông tin: Thu thập thông tin về trường hợp từ các tài liệu sẵn có và tự tìm.	Học cách tự lực thu thập thông tin, hệ thống hoá và đánh giá thông tin.

3. Nghiên cứu, tìm các phương án giải quyết: Tìm các phương án giải quyết và thảo luận (tìm hiểu, nghiên cứu, khảo sát, điều tra).	Phát triển tư duy sáng tạo, tư duy theo nhiều hướng, làm việc trong nhóm, hiểu các ý kiến khác nhau, biết trình bày ý kiến trong nhóm.
4. Quyết định: Quyết định trong nhóm về phương án giải quyết.	Đối chiếu và đánh giá các phương án giải quyết trên cơ sở các tiêu chuẩn đánh giá đã được lập luận.
5. Bảo vệ: Các nhóm lập luận và bảo vệ quyết định của nhóm.	Bảo vệ các quyết định với những luận cứ rõ ràng, trình bày các quan điểm một cách rõ ràng, phát hiện các điểm yếu trong các lập luận.
6. So sánh: So sánh các phương án giải quyết của nhóm với các quyết định trong thực tế.	Cân nhắc mối quan hệ theo các phương án giải quyết khác nhau; Việc quyết định luôn liên quan đến các tình huống, điều kiện, thời gian cụ thể.

Một số lưu ý:

Các trường hợp được lựa chọn từ những tình huống thực tiễn, hoặc những tình huống có thể xảy ra. Khi xây dựng một trường hợp cần đảm bảo những nội dung sau:

- Trường hợp cần được mô tả rõ ràng và chứa đựng vấn đề và xung đột.
- Trường hợp cần có nhiều cách giải quyết.
- Trường hợp cần tạo điều kiện cho người học có thể trình bày theo cách nhìn của mình.

- Trường hợp cần vừa sức, phù hợp với điều kiện thời gian và người học có thể giải quyết được trên cơ sở kiến thức và kỹ năng của họ.

Việc sử dụng PP trường hợp tạo điều kiện cho việc xây dựng các tình huống nhằm gắn lý thuyết với thực tiễn, tư duy và hành động:

- PP trường hợp sử dụng sự liên hệ với thực tiễn để tích cực hoá động cơ của người học.
- PP trường hợp đồng thời là một PP dạy học định hướng hành động. Đó là sự xử lý các tình huống, trong đó bên cạnh sự làm việc cá nhân, yêu cầu có sự cộng tác làm việc và thảo luận trong nhóm. Trọng tâm của làm việc nhóm là quá trình giao tiếp xã hội và cùng quyết định trong nhóm.
- PP trường hợp tạo điều kiện phát triển các năng lực then chốt chung, như năng lực quyết định, năng lực giải quyết vấn đề, tư duy hệ thống, tính sáng tạo, khả năng giao tiếp và cộng tác làm việc.
- Ngoài những ưu điểm trên, PP trường hợp đòi hỏi nhiều thời gian, thích hợp cho việc vận dụng nhưng không thích hợp với việc truyền thụ tri thức mới một cách hệ thống.

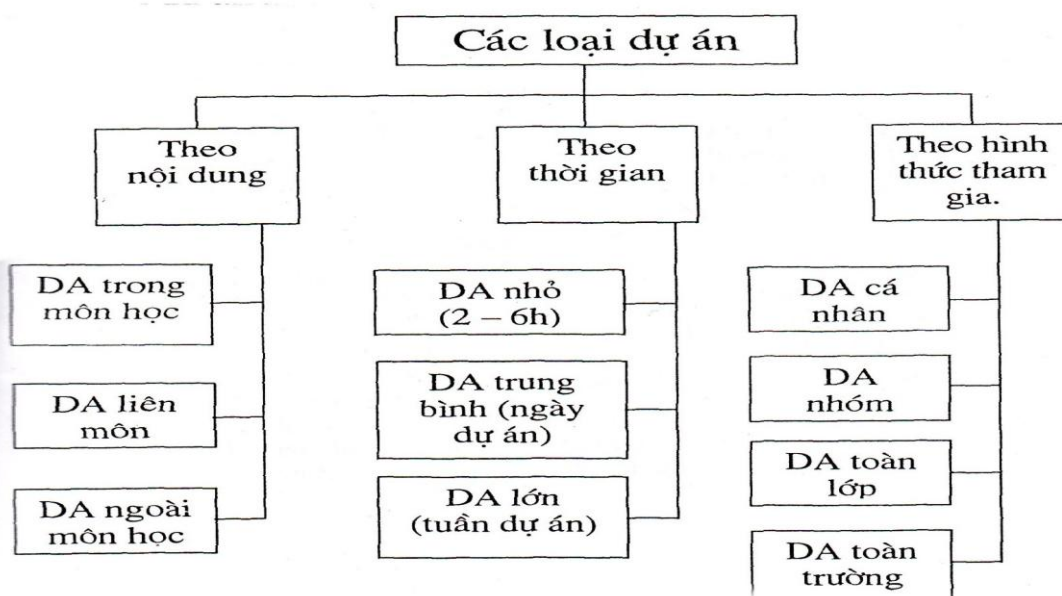
2.4. PPDH theo dự án

Khái niệm:

- Dạy học theo dự án là một phương pháp dạy học, trong đó học sinh tự đưa ra sáng kiến và thực hiện xây dựng phiếu hỏi, thu thập thông tin, phân tích dữ liệu và đưa ra nhận định, kết luận về các vấn đề cụ thể.
- Dạy học theo dự án (DHDA) là một phương pháp dạy học, trong đó người học thực hiện một nhiệm vụ học tập phức hợp, có sự kết hợp giữa lý thuyết và thực tiễn, thực hành. Nhiệm vụ này được người học thực hiện với tính tự lực cao trong toàn bộ quá trình học tập, từ việc xác định mục đích, lập kế hoạch, đến việc thực hiện dự án, kiểm tra, điều chỉnh, đánh giá quá trình và kết quả thực hiện
- Dạy học theo dự án là một phương pháp dạy học hiệu quả đã thực hiện quan điểm dạy học định hướng vào người học, quan điểm dạy học định hướng hoạt động và quan điểm dạy học tích hợp. DHDA góp phần gắn lý thuyết với thực hành, tư duy và hành động, nhà trường và xã hội, tham gia tích cực và việc đào tạo năng lực làm việc tự lực, năng lực sáng tạo, năng lực giải quyết các vấn đề phức hợp, tinh thần trách nhiệm và khả năng cộng tác làm việc của người học

*Hình thức làm việc chủ yếu trong dạy học dự án là theo **nhóm**, mỗi người học cộng tác với các thành viên khác trong nhóm trong một khoảng thời gian nhất định để giải quyết những vấn đề và cùng trình bày công việc mình đã làm trước nhóm. Bước cuối cùng có thể là một buổi thuyết trình có sử dụng các phương tiện nghe nhìn, một ấn phẩm báo chí, một trang Web hoặc một sản phẩm được tạo ra.*

Các loại dự án học tập có thể phân chia theo nội dung, theo thời gian thực hiện hoặc theo hình thức tham gia:



- Phân theo nội dung

- Dự án trong một môn học: trọng tâm nội dung nằm trong một môn học. Ví dụ: dự án tìm hiểu lịch sử - văn hoá địa phương (môn lịch sử)
- Dự án liên môn: Ví dụ: dự án trồng cây trong sân trường (môn Sinh, môn Địa, môn Sử...)
- Dự án ngoài môn học: An toàn giao thông, quảng bá du lịch địa phương...

- Phân theo sự tham gia của người học: dự án cho nhóm HS, dự án cá nhân.

Dự án dành cho nhóm HS là hình thức dự án dạy học chủ yếu. Trong trường phổ thông còn có dự án toàn trường, dự án dành cho một khối lớp, dự án cho một lớp học.

- Phân theo quỹ thời gian:

- Dự án nhỏ: thực hiện trong một số giờ học, có thể từ 2 - 6 giờ học.

- Dự án trung bình: dự án trong một hoặc một số ngày (“Ngày dự án”), nhưng giới hạn là một tuần hoặc 40 giờ học.
- Dự án lớn: dự án thực hiện với quỹ thời gian lớn, tối thiểu là một tuần (hay 40 giờ học), có thể kéo dài nhiều tuần (“Tuần dự án”).

Cách tiến hành

- ***Chọn chủ đề và xây dựng kế hoạch bao gồm:*** Lựa chọn chủ đề, xây dựng các tiểu chủ đề, xác định kế hoạch thực hiện

Chủ đề dự án trước hết phải gắn với các bài học cụ thể trong chương trình. Giáo viên và học sinh có thể cùng đề xuất, xác định đề tài và mục đích của dự án. Đề tài có thể là một vấn đề hoặc một nhiệm vụ cần giải quyết, trong đó chú ý đến việc liên hệ với hoàn cảnh thực tiễn xã hội và đời sống. Các nhiệm vụ này phải có ý nghĩa với học sinh, gọi được sự quan tâm và hứng thú của người học. Nó có thể khởi đầu bằng một ý tưởng mà học sinh quan tâm. Ví dụ: ô nhiễm môi trường, sử dụng năng lượng sạch, du lịch, văn hoá địa phương, nhà trường, gia đình,...

Trong giai đoạn này học sinh tự lập kế hoạch thực hiện dự án với sự hướng dẫn của giáo viên. Trong kế hoạch cần xác định rõ những công việc cần làm, thời gian dự kiến, vật liệu, kinh phí, phương pháp tiến hành và phân công công việc cụ thể cho các thành viên trong nhóm.

Ví dụ:

Tên thành viên	Nhiệm vụ	Thời gian	Phương tiện	Sản phẩm
.....				

- Thực hiện dự án :

- Thu thập thông tin
- Thực hiện điều tra
- Thảo luận với các thành viên khác
- Tham vấn giáo viên hướng dẫn

Các thành viên thực hiện công việc theo kế hoạch đã đề ra cho nhóm và cá nhân. Trong giai đoạn này học sinh thực hiện các hoạt động trí tuệ và hoạt động thực tiễn, thực hành, những hoạt động này xen kẽ và tác động qua lại lẫn nhau. Kiến thức lý thuyết, các phương án giải quyết vấn đề được thử nghiệm qua thực tiễn. Trong quá trình đó sản phẩm của dự án và thông tin mới được tạo ra.

- Tổng hợp kết quả:

Thu thập kết quả và công bố sản phẩm

- Đánh giá dự án:

Kết quả thực hiện dự án có thể được viết dưới dạng thu hoạch, báo cáo, luận văn... Trong nhiều dự án các sản phẩm vật chất được tạo ra qua hoạt động thực hành. Sản phẩm của dự án cũng có thể là những hành động phi vật chất, chẳng hạn việc biểu diễn 1 vở kịch, việc tổ chức một buổi sinh hoạt nhằm tạo ra các tác động xã hội. Sản phẩm của dự án có thể được trình bày giữa các nhóm sinh viên, có thể được giới thiệu trong nhà trường, hay ngoài xã hội.

Giáo viên và học sinh đánh giá quá trình thực hiện và kết quả cũng như kinh nghiệm đạt được. Từ đó rút ra những kinh nghiệm cho việc thực hiện các dự án tiếp theo.

Việc phân chia các giai đoạn trên đây chỉ mang tính chất tương đối. Trong thực tế chúng có thể xen kẽ và thâm nhập lẫn nhau. Việc tự kiểm tra, điều chỉnh cần được thực hiện trong tất cả các giai đoạn của dự án. Với những dạng dự án khác nhau có thể xây dựng cấu trúc chi tiết riêng phù hợp với nhiệm vụ dự án.

Một số lưu ý:

DHDA đã thể hiện nhiều ưu điểm như:

- Gắn lý thuyết với thực hành, tư duy và hành động, nhà trường và xã hội. Kích thích động cơ, hứng thú học tập của người học. Phát huy tính tự lực, tính trách nhiệm. Phát triển khả năng sáng tạo. Rèn luyện năng lực giải quyết những vấn đề phức hợp. Rèn luyện tính bền bỉ, kiên nhẫn. Rèn luyện năng lực cộng tác làm việc. Phát triển năng lực đánh giá.

Và với những ưu điểm trên, DHDA sẽ góp phần khắc phục những nhược điểm của một số PPDH truyền thống khác. Tuy nhiên DHDA có những giới hạn và điều kiện riêng. DHDA đòi hỏi nhiều thời gian, nó không thể thay thế dạy học thuyết trình trong việc truyền thụ những tri thức lý thuyết hệ thống. Ngoài ra hoạt động thực hành, thực tiễn trong việc thực hiện các dự án dạy học cũng đòi hỏi phương tiện vật chất và tài chính phù hợp.

Gợi ý đáp án phiếu bài tập số 6

Một số lưu ý khi lựa chọn PP/ KT dạy học

- Tính phù hợp (chọn PP/KTDH phù hợp với nội dung bài học và đặc trưng môn học. Đảm bảo thực hiện dạy học theo chuẩn kiến thức và kỹ năng)
- Sự tham gia (học sinh được tham gia vào các hoạt động một cách chủ động tích cực, đảm bảo học sâu và thoải mái)
- Tương tác và sự đa dạng (Tương tác giữa GV- HS và giữa HS-HS được thúc đẩy)
- Đặc điểm giới và dân tộc thiểu số
-

TƯ LIỆU 3: VỀ ĐÁNH GIÁ KẾT QUẢ HỌC TẬP CỦA HỌC SINH

3.1. Một số khái niệm cơ bản về đánh giá

Đánh giá (Evaluation)

Đánh giá trong giáo dục là quá trình thu thập và lý giải kịp thời, có hệ thống thông tin về hiện trạng, khả năng hay nguyên nhân về chất lượng và hiệu quả giáo dục căn cứ vào mục tiêu dạy học, mục tiêu đào tạo, làm cơ sở cho những chủ trương, biện pháp và hành động giáo dục tiếp theo.

Kết quả học tập (Achievement)

Kết quả học tập là khái niệm được hiểu theo hai quan niệm khác nhau và được dùng tùy thuộc vào các ngữ cảnh khác nhau:

- Là mức độ thành tích đã đạt được của một học sinh so với các bạn cùng trong một nhóm. Ví dụ: học sinh D học yếu nhất so với các bạn trong lớp; học sinh E xếp thứ hai trong lớp; học sinh F giỏi nhất trong các bạn nữ;...

- Là mức độ thành tích mà một học sinh đạt được xem xét trong mối quan hệ so với công sức, thời gian đã bỏ ra và so với mục tiêu giáo dục. Ví dụ: kết quả học tập học kì II của học sinh A khá hơn nhiều so với học kì I; học sinh B đạt được khoảng 80%, học sinh C đạt được 100% yêu cầu của mục tiêu đã đặt ra.

Đánh giá kết quả học tập là quá trình thu thập thông tin, xử lý thông tin và diễn giải hiện trạng, nguyên nhân, hiệu quả, chất lượng giáo dục theo hai khía cạnh khác nhau: kết quả học tập đạt được của học sinh so với kết quả học tập của học sinh khác; kết quả học tập đạt được của học sinh so với mục tiêu giáo dục đã đặt ra.

Mục tiêu đánh giá:

Theo *Từ điển giáo dục học*, mục tiêu giáo dục là một mô hình nhân cách cần đạt được, thông qua tập hợp những quá trình giáo dục và được

thông báo dưới dạng những chủ đích mong muốn đối với các chủ thể khi kết thúc quá trình. Mục tiêu giáo dục nói về kết quả đạt được trong thực tế.

Mục tiêu đánh giá cần phải thống nhất với mục tiêu giáo dục. Mục tiêu đánh giá là phạm vi và lĩnh vực đánh giá đối với từng lớp, từng chương, từng chủ đề. Mục tiêu tổng quát của đánh giá có thể bao gồm:

+ Xác định trình độ nhận thức, những lỗ hổng kiến thức (có thể có) của học sinh trước khi bước vào một giai đoạn học tập mới; chuẩn đoán những khó khăn các em có thể gặp phải để lập kế hoạch giúp đỡ. Đáp ứng mục tiêu này gọi là đánh giá chẩn đoán (hay còn gọi là đánh giá sơ bộ).

+ Đánh giá hiện trạng chất lượng dạy và học tại một thời điểm nhất định hoặc đánh giá sự phát triển được diễn ra vào hai thời điểm (đầu, cuối) khi mà giữa hai thời điểm đó tiến hành một tác động sư phạm nào đó. Đáp ứng mục tiêu này gọi là đánh giá quá trình.

+ Xác định kết quả, chất lượng học tập sau một học kì, một năm hoặc cả cấp THCS. Đáp ứng mục tiêu này gọi là đánh giá tổng kết.

Căn cứ vào tính chất của giai đoạn giáo dục và thời điểm tiến hành hoạt động đánh giá để lựa chọn mục tiêu đánh giá thích hợp.

Chuẩn kiến thức, kĩ năng:

Nội dung đánh giá là sự cụ thể hóa mục tiêu đánh giá và được biểu đạt thành các chuẩn đánh giá.

- Chuẩn kiến thức, kĩ năng là các yêu cầu cơ bản, tối thiểu về kiến thức, kĩ năng của môn học, hoạt động giáo dục mà học sinh cần phải và có thể đạt được sau từng giai đoạn học tập. Mỗi cấp học có chuẩn kiến thức, kĩ năng và yêu cầu về thái độ mà học sinh cần phải đạt được.
- Chuẩn kiến thức, kĩ năng là căn cứ để biên soạn sách giáo khoa, quản lí dạy học, đánh giá kết quả giáo dục ở từng môn học, hoạt động giáo dục nhằm đảm bảo tính thống nhất, tính khả thi

của chương trình giáo dục phổ thông; bảo đảm chất lượng và hiệu quả của quá trình giáo dục

3.2. Phương pháp đánh giá bằng quan sát.

3.2.1. Đánh giá bằng quan sát

Đánh giá bằng quan sát được tiến hành khi GV sử dụng thị giác phối hợp với các giác quan khác, xem xét quá trình học tập của HS một cách có ý thức, có mục đích, có kế hoạch để thu thập thông tin và đưa ra những kết luận trên cơ sở phân tích những thông tin ấy. Đây là một trong những phương pháp phổ biến của quá trình đánh giá.

Quy trình thực hiện đánh giá quan sát:

Bước 1: Chuẩn bị. Cần xác định rõ:

- *Mục đích quan sát.*
 - + Muốn cung cấp thông tin định tính để bổ sung cho các thông tin định lượng trong điều tra, thu thập minh chứng để đánh giá các tiêu chí.
 - + Muốn biết năng lực dạy học của giáo viên.
 - + Muốn biết hiệu quả hoạt động dạy học, của các trang thiết bị dạy học phục vụ mục tiêu đào tạo.

- *Đối tượng quan sát:*

HS, quá trình học tập của HS. sự tương tác giữa HS với HS, HS với GV, nhóm HS, trường học, môi trường, văn hoá,...

- *Nội dung quan sát:* Kiến thức, kĩ năng nhận thức, kĩ năng thực hành, các thao tác, hành vi, động cơ, thái độ, hứng thú học tập môn học của HS,...

- *Cách thức quan sát:*

- + Quan sát công khai hoặc không công khai.

+ Quan sát trực tiếp: quan sát và ghi chép hành vi của con người ngay tại bối cảnh và thời gian thực tế diễn ra.

+ Quan sát gián tiếp: không quan sát trực tiếp hành vi mà đi thu thập các dấu vết của hành vi còn sót lại (Ví dụ: lịch hoạt động của phòng thí nghiệm, phòng nghe nhìn...)

+ Quan sát có cấu trúc/hệ thống: quan sát có hệ thống hành vi của cá nhân (có kế hoạch rõ ràng và cụ thể về lựa chọn, quan sát, ghi chép và mã hoá hành vi), đóng vai trò quan trọng và đem lại nhiều thông tin trong quá trình quan sát. Quan sát có cấu trúc/hệ thống là loại quan sát trực tiếp, công khai hoặc không công khai.

- *Địa điểm quan sát*: Trong lớp học, ngoài lớp học, trong môi trường tự nhiên hoặc trong “phòng thí nghiệm”

- *Thời gian quan sát*: Quan sát thời điểm hay quan sát trường diễn

- *Lưu giữ kết quả quan sát*: chuẩn bị bộ công cụ quan sát (sổ ghi chép hoặc phiếu quan sát, thang đánh giá, phương tiện kĩ thuật,...)

Bước 2. Quan sát, ghi biên bản. (quan sát những gì, cách thức quan sát; ghi chép những gì, ghi như thế nào;...)

Bước 3. Đánh giá. (Cách thức phân tích thông tin, nhận xét kết quả, ra quyết định,...)

Việc sử dụng nhiều cách thức thu thập dữ liệu (phỏng vấn, quan sát, tài liệu, v.v.), đối chiếu so sánh các thông tin thu thập từ các nguồn khác nhau là rất quan trọng trong việc nâng cao độ tin cậy của các kết quả tìm được trong quá trình đánh giá.

Một số công cụ đánh giá bằng quan sát

Để việc quan sát được thực hiện một cách có hệ thống, người ta thường dùng các **công cụ** khác nhau để ghi nhận kết quả quan sát được như:

- Nhật kí GV.
- Phiếu kiểm kê.
- Thang xếp hạng,...

3. 2.2.Công cụ đánh giá bằng quan sát - Phiếu kiểm kê

Phiếu kiểm kê là một bảng liệt kê ***những tiêu chí cần đạt theo chuẩn kiến thức, kĩ năng*** kèm với yêu cầu xác định là có hoặc không và được dùng như một bản hướng dẫn theo dõi, xem xét và ghi nhận các quan sát.

- Phiếu kiểm kê là công cụ hướng dẫn việc ghi nhận các quan sát khá tiện lợi. ***Phiếu kiểm kê thường hữu ích khi việc đánh giá phụ thuộc vào quan sát hơn là trắc nghiệm.*** Người quan sát chỉ việc đánh dấu vào những bước nào hoàn thiện. Trong một số trường hợp, có thể thêm vào một số thao tác mắc nhiều lỗi, qua đó GV có thể đánh dấu nếu chúng xuất hiện.

Một phiếu kiểm kê điển hình thường ghi tên các HS theo danh sách của lớp ***những tiêu chí cần đạt theo chuẩn kiến thức, kĩ năng.*** Có thể căn cứ vào hướng dẫn thực hiện chuẩn kiến thức kĩ năng, mục tiêu học tập để xác định tiêu chí đánh giá. ***Tiêu chí cần đạt có thể là những hoạt động, hành vi,... thể hiện việc đạt chuẩn.*** Việc thực hiện hay không thực hiện một hành động, có hay không có một hành vi nào đó được đánh dấu bởi “có” hoặc “không” hoặc những kí hiệu thích hợp. Sau khi quan sát và đánh dấu thích hợp, phiếu kiểm kê trở thành ***chứng cứ*** của việc HS đạt hay chưa đạt chuẩn kiến thức, kĩ năng. Ngoài ra, một phiếu kiểm kê thường có những bình luận về cá nhân HS và bình luận chung về toàn lớp

- Phiếu kiểm kê còn được sử dụng để **đánh giá sản phẩm**. Với mục đích này, bản kiểm kê thường chứa các **yếu tố quá trình của một sản phẩm hoàn thành**. Trước khi sử dụng bảng kiểm đánh giá sản phẩm, nên quyết định xem chất lượng của sản phẩm đó có thể được mô tả chính xác như thế nào bằng cách liệt kê mọi yếu tố.

- Trong lĩnh vực phát triển cá nhân và xã hội, phiếu kiểm kê có thể là một công cụ thuận tiện để ghi lại các chứng cứ của sự phát triển hướng đến các mục tiêu học tập

Một số lưu ý khi xây dựng phiếu kiểm kê:

- Xác định một số tiêu chí cần đạt khi HS thể hiện.
- Thêm vào bảng các thao tác thường mắc sai sót (nếu chúng được cho là hữu ích để đánh giá)
- Sắp xếp các tiêu chí cần đạt theo một thứ tự thích hợp.
- Cung cấp cách thức đánh dấu phiếu quan sát cho mỗi chứng cứ khi chúng xuất hiện.

Giới thiệu một số mẫu phiếu kiểm kê :

- Phiếu kiểm kê (dành cho mỗi HS)

Họ và tên người được DG:

PHIẾU QUAN SÁT

TT	Các yêu cầu cần đánh giá	Cách thực hiện và kết quả của HS	Kết luận của GV	
			Đạt	Chưa đạt
1	Cách đặt quả địa cầu	☐ Trục của quả địa cầu hướng cực Bắc về phía người đang trình bày		

- ☐ Trục của quả địa cầu hướng cực Bắc về phía đối diện với người trình bày
- 2 Cách quay quả địa cầu ☐ Quay cùng chiều kim đồng hồ
☐ Quay ngược chiều kim đồng hồ
- 3 Nêu hình dạng của Trái Đất ☐ Hình cầu
☐ Hình tròn
- 4 Mô tả đặc điểm bề mặt Trái Đất ☐ Gồm phần đất liền và phần nước
☐ Chỉ được phần đất liền (các châu lục) và phần nước (các đại dương)
- 5 Gọi tên một châu lục và chỉ ra châu lục đó trên quả địa cầu ☐ Gọi tên được một châu lục
☐ Chỉ được châu lục đó trên quả địa cầu
- 6 Chỉ được vị trí của đất nước ta trên quả địa cầu ☐ Xác định được châu lục mà nước ta trực thuộc
☐ Xác định được vị trí chính xác của đất nước ta
- 7 Gọi tên một đại dương; chỉ ra đại dương đó trên quả địa cầu ☐ Gọi tên một đại dương
☐ Chỉ ra được vị trí của đại dương đó trên quả địa cầu
- 8 Cách trình bày (phong cách, diễn đạt) ☐ Diễn đạt (nói năng) mạch lạc
☐ Thao tác nhanh, rõ ràng với quả địa cầu.

K/quả đạt được: / 8

- Phiếu kiểm kê (Quan sát và ghi chép những sự việc cụ thể, thường xuyên)

PHIẾU QUAN SÁT

Họ và tên:

Thời gian sử dụng: từ ngày đến ngày

Nội dung ghi chép	Ngày dự định ghi chép							
	1	2	...	8	9	...	20	
1								
2								
...								

Kết luận:

PHIẾU QUAN SÁT (Hứng thú học tập của HS)

Họ và tên:

Thời gian sử dụng: từ ngày đến ngày

Nội dung ghi chép	Ngày dự định ghi chép						
	1	2	...	8	9	...	20
1 Vở ghi	✓			✓			
2 Vở bài tập							
3. Nhớ bài cũ					✓		
4. Phát biểu xây dựng bài	✓						
5. Làm bài tập				✓			
6. Chú ý nghe giảng	✓						
7. Nói chuyện trong lớp							

Kết luận:

3.2.3. Công cụ đánh giá bằng quan sát - Thang xếp hạng

- Thang xếp hạng là một bảng liệt kê những tiêu chí cần đạt theo chuẩn kiến thức kĩ năng kèm với yêu cầu HS được xếp hạng theo thang 3 bậc, 4 bậc hoặc 5 bậc.

- Thang xếp hạng cung cấp cho GV một cách thức ghi chép, báo cáo nhận định những điều quan sát thấy một cách tiện lợi trên một diện rộng các mục tiêu học tập và các khía cạnh của sự phát triển. Thông thường, chia thành 3 lĩnh vực đánh giá: Đánh giá phương thức thể hiện, đánh giá sản phẩm và đánh giá sự phát triển cá nhân – xã hội.

- Thang xếp hạng có chức năng như thang điểm. Tuy nhiên thang xếp hạng dùng cho quan sát không sử dụng điểm số mà sử dụng từ ngữ như “Xuất sắc, trung bình,...” hoặc “hiếm khi, thường xuyên, nhiều, ít” để xác lập những mức độ có tính chất định tính. Điều quan trọng là phải xác định rõ tiêu chuẩn của mỗi bậc để việc xếp hạng được chính xác. Thang xếp hạng giải thích cho GV và HS các mức độ tiến bộ khác nhau và chất lượng đạt được nội dung học tập .

Cũng như các công cụ đánh giá khác, thang xếp hạng được cấu tạo phù hợp với mục tiêu cần đánh giá.

Một số lưu ý khi xây dựng thang xếp hạng:

- Các tiêu chí cần đạt phải có giá trị.
- Các tiêu chí cần đạt có thể quan sát trực tiếp.
- Các tiêu chí cần đạt và điểm trên thang xếp hạng nên được xác định một cách rõ ràng.

Nên kết hợp các thang xếp hạng từ nhiều người quan sát nếu có thể .

Giới thiệu một số mẫu thang xếp hạng :

- **Thang số.** Thang số đánh giá một số yêu cầu về kiến thức, kỹ năng ở mỗi HS theo các mức độ. Có thể thay các bậc số bằng các con chữ “A, B, C, D, E” hoặc các mức độ: “Xuất sắc, khá, trung bình, yếu, kém”. Có thể sử dụng thang 3, 4, hoặc 5 bậc.

Họ và tên người được ĐG:

PHIẾU QUAN SÁT

TT	Nội dung / Tiêu chí đánh giá	Hoàn thành tốt (3)	Hoàn thành (2)	Chưa hoàn thành (1)
1				
2				
3				
4				
...				

3.2.4. Quy trình xây dựng bộ công cụ quan sát để ĐGKQHT

Bước 1: Xác định chuẩn kiến thức, kỹ năng cần đánh giá; Xem xét các tiêu chí cần đạt theo chuẩn kiến thức, kỹ năng để xác định nội dung cần đánh giá.

Bước 2: Lựa chọn công cụ để đánh giá dựa trên việc trả lời các câu hỏi sau:

- Thu thập thông tin gì?
- Thu thập thông tin đó ở đâu?
- Thu thập khi nào?
- Ai là người thu thập?

- Công cụ nào là hiệu quả nhất trong việc thu thập thông tin theo tiêu chí đã định ?

Lưu ý :

- Cần tạo nên sự đa dạng hấp dẫn của các công cụ đánh giá để tránh sự nhàm chán cho HS.
- Cần xem xét, phối hợp các công cụ nào để thu thập được thông tin đáng tin cậy.

Bước 3 : Xây dựng công cụ theo yêu cầu đã xác định.

Bước 4 : Thực hiện kiểm chứng bộ công cụ đã được thiết kế.

Bước 5 : Điều chỉnh, lựa chọn và đưa vào ngân hàng dữ liệu đánh giá.

3.3. Trắc nghiệm khách quan

3.3.1. Giới thiệu một số dạng TNKQ

Trắc nghiệm theo nghĩa rộng là một hoạt động được thực hiện để đo lường năng lực của các đối tượng nào đó nhằm những mục đích xác định.

Trong giáo dục, trắc nghiệm được tiến hành thường xuyên ở các kì thi, kiểm tra để đánh giá kết quả học tập đối với một phần của môn học, toàn bộ môn học, đối với cả một cấp học, hoặc để tuyển chọn một số người có năng lực nhất vào một khoá học.

Người ta có thể phân chia các phương pháp trắc nghiệm ra làm ba loại: Quan sát, Vấn đáp, và Viết.

+ **Loại Quan sát:** Giúp xác định những thái độ, những phản ứng vô thức, những kỹ năng thực hành và một số kỹ năng về nhận thức, chẳng hạn cách giải quyết vấn đề trong một tình huống đang được nghiên cứu.

+ **Loại Vấn đáp:** Có tác dụng tốt khi nêu lên các câu hỏi phát sinh trong một tình huống cần kiểm tra. Trắc nghiệm vấn đáp thường được

dùng khi tương tác giữa người chấm và người học là quan trọng, chẳng hạn cần xác định thái độ phản ứng khi phỏng vấn,...

+ **Loại Viết:** Thường được sử dụng nhiều nhất vì nó có những ưu điểm sau:

- Cho phép kiểm tra cùng lúc nhiều học sinh.
- Cho phép học sinh cân nhắc nhiều hơn khi trả lời.
- Đánh giá được một vài loại tư duy ở mức độ cao.
- Cung cấp các bản ghi rõ ràng các câu trả lời của học sinh để dùng khi chấm.
- Dễ quản lý hơn vì bản thân người chấm không tham gia vào bối cảnh kiểm tra.

Trắc nghiệm viết thường được chia thành hai nhóm: Trắc nghiệm tự luận (Essay) và trắc nghiệm khách quan (Objective test).

Một trong những hướng đổi mới đánh giá kết quả học tập ở Việt Nam hiện nay là kết hợp trắc nghiệm tự luận với trắc nghiệm khách quan. Về công dụng và cách soạn thảo các câu hỏi tự luận giáo viên đều biết rõ nên ở đây chỉ giới thiệu về trắc nghiệm khách quan.

Trắc nghiệm khách quan

Trắc nghiệm khách quan là phương pháp kiểm tra, đánh giá kết quả học tập của học sinh bằng hệ thống câu hỏi trắc nghiệm khách quan.

Gọi là khách quan vì cách cho điểm (đánh giá) hoàn toàn không phụ thuộc vào người chấm.

Các loại câu hỏi trắc nghiệm khách quan

*** Câu đúng sai**

Trước một câu dẫn xác định (thông thường không phải là câu hỏi) học sinh chọn một trong hai cách trả lời (Đ) hay (S).

Ví dụ: HV tự soạn theo bộ môn của mình

Khi soạn câu hỏi trắc nghiệm khách quan loại này cần lưu ý:

+ Chọn câu dẫn nào mà học sinh trung bình khó nhận ra ngay là đúng hay sai.

+ Không nên trích nguyên văn những câu trong sách giáo khoa.

+ Cần đảm bảo tính (Đ) hay (S) của câu là chắc chắn.

+ Mỗi câu trắc nghiệm khách quan chỉ nên diễn tả một ý độc nhất, tránh bao gồm nhiều chi tiết.

+ Trách dùng những cụm từ như: “tất cả”, “không bao giờ”, “không một ai”, “thường”, “đôi khi”... Những cụm từ này có thể giúp học sinh dễ dàng nhận ra câu đúng hay sai.

+ Trong một bài trắc nghiệm không nên bố trí số câu đúng bằng số câu sai, không nên sắp đặt các câu đúng theo một trật tự có chu kỳ.

*** Câu nhiều lựa chọn**

Ví dụ: HV tự soạn theo bộ môn của mình

Câu hỏi nhiều lựa chọn gồm hai phần:

+ Phần thứ nhất (gọi là phần dẫn) là một câu hỏi hay một câu chưa hoàn tất nêu mục đích đòi hỏi người làm lựa chọn câu trả lời.

+ Phần thứ hai (gọi là phần lựa chọn hay các phương án lựa chọn, thường là từ 4 – 5 phương án) gồm một lựa chọn đúng (gọi là đáp án) và các lựa chọn sai (gọi là câu nhiễu, câu bẫy).

Loại câu hỏi này rất thông dụng, có khả năng áp dụng rộng rãi và phân loại học sinh nhiều nhất. Tuy nhiên loại này tương đối khó soạn vì mỗi câu hỏi phải kèm theo một số câu trả lời, tất cả đều hấp dẫn nhưng chỉ có một đáp án.

Khi soạn loại câu hỏi TNKQ này cần tránh:

+ Câu bỏ lửng không đặt ra vấn đề hay một câu hỏi rõ rệt làm cơ sở cho sự lựa chọn.

+ Những câu nhiễu đưa ra không phải tùy tiện. Giáo viên phải dự đoán các hướng sai lầm của học sinh có thể mắc phải khi giải bài toán đó để đưa ra những lựa chọn nhiễu.

- + Câu TNKQ có hai lựa chọn đúng (hoặc không có lựa chọn nào đúng).
- + Phần gốc quá rườm rà, gồm nhiều chi tiết không cần thiết.
- + Khi soạn thảo những câu hỏi nhiều lựa chọn, tránh vô tình tiết lộ câu trả lời qua lối hành văn, dùng từ, cách sắp đặt,...

*** Câu ghép đôi**

Câu hỏi dạng này thường gồm hai cột thông tin, mỗi cột có nhiều dòng. Học sinh phải chọn ra những kết hợp hợp lí giữa một dòng của cột này với một hay những dòng thích hợp của cột bên kia.

Dạng này thích hợp cho việc kiểm tra lí thuyết.

Ví dụ: HV tự soạn theo bộ môn của mình

Khi biên soạn loại câu hỏi này cần lưu ý:

- + Dãy cột thông tin đưa ra không nên quá dài, nên thuộc cùng một loại, có liên quan với nhau. Học sinh có thể nhầm lẫn.
- + Cột câu hỏi và cột câu trả lời không nên bằng nhau, nên có những câu trả lời dư ra để tăng sự cân nhắc khi lựa chọn.
- + Thứ tự câu trả lời không nên ăn khớp với thứ tự các câu hỏi để gây thêm khó khăn cho sự lựa chọn.

*** Câu điền khuyết**

Những câu hỏi dạng này có chứa những chỗ trống để học sinh điền những cụm từ thích hợp vào những chỗ đó. Những cụm từ này hoặc do học sinh tự nghĩ ra hay nhớ ra, hoặc được cho sẵn trong những phương án có nhiều lựa chọn.

Ví dụ: HV tự soạn theo bộ môn của mình

Khi soạn câu hỏi dạng này cần lưu ý:

- + Câu hỏi phải ngắn gọn để chỉ trả lời bằng một số, một từ hay một câu ngắn; tránh lập câu quá dài, ý tứ rườm rà.

- + Tránh lập câu hỏi mà đáp án có thể trả lời bằng nhiều cách.

- + Câu hỏi phải rõ ràng, chính xác, không bàn cãi được.

Như vậy, với các loại câu hỏi TNKQ, giáo viên phải hiểu rõ đặc điểm, công dụng của mỗi loại để lựa chọn loại nào thích hợp với mục tiêu khảo sát hoặc mục tiêu dạy học. Các loại câu hỏi trắc nghiệm khách quan trên đây đều được sử dụng có hiệu quả trong giờ lên lớp. Tuy nhiên hiện nay, trong các đề bài kiểm tra 1 tiết, học kì, cuối năm... (trong đánh giá tổng kết) người ta thường dùng các câu hỏi nhiều lựa chọn, vì:

- + Khả năng phân biệt học sinh cao.

- + Đánh giá được kiến thức của học sinh trên một diện rộng; hạn chế được khả năng học tủ, học lệch, học vẹt của học sinh.

- + Chấm điểm khách quan, nhanh chóng, chính xác, có thể sử dụng công nghệ thông tin để chấm.

Ưu điểm và hạn chế của các loại trắc nghiệm khách quan

Việc sử dụng phương pháp TNKQ trong kiểm tra, đánh giá rất phổ biến trên thế giới và đang dần dần được áp dụng ở Việt Nam do nó có các ưu điểm nổi bật như sau:

- + Trắc nghiệm bao gồm một chuỗi những thao tác đơn giản xác định, do đó sử dụng trắc nghiệm sẽ tiết kiệm được thời gian thi và kinh phí chấm điểm.

- + Việc đánh giá kết quả bằng trắc nghiệm đơn giản, xác định (có thể dùng máy vi tính để chấm) nên kết quả của bài trắc nghiệm mang tính khách quan, không phụ thuộc vào người chấm.

- + Cho phép trong một thời gian ngắn có thể kiểm tra được nhiều kiến thức, kĩ năng, do đó có thể trải ra trên một nội dung rất rộng, góp phần chống học tủ, học lệch.

+ Ta có thể đưa các câu hỏi đề tạo đề kiểm tra TNKQ bằng máy vi tính. Hơn nữa có thể tổ chức cho học sinh độc lập làm bài, tự kiểm tra kết quả, biết điểm số bài làm của mình ngay trên máy. Nhờ vậy giáo viên có thể tiết kiệm được thời gian làm đề, tổ chức thi và chấm điểm; đồng thời góp phần tăng cường khả năng tự học của học sinh.

+ Kiểm tra, đánh giá bằng trắc nghiệm cho phép lượng hóa được hiệu quả giảng dạy. Thông qua các bài trắc nghiệm, giáo viên có thể đánh giá được kết quả học tập một cách tương đối chính xác. Từ đó có thể điều chỉnh hoạt động dạy và hoạt động học để đạt kết quả cao nhất.

+ Trắc nghiệm gây hứng thú và tính tích cực học tập của học sinh. Khi làm bài trắc nghiệm, học sinh phải có thao tác tư duy nhanh, chính xác, hạn chế việc quay cóp, sử dụng tài liệu, trao đổi bài. Học sinh phải suy nghĩ cao độ, tập trung tối đa để làm bài cho kịp thời gian cho phép.

Tuy nhiên việc kiểm tra, đánh giá bằng trắc nghiệm cũng có những nhược điểm nhất định:

+ Khó đánh giá được bề sâu của kiến thức.

+ Khó đánh giá quá trình suy nghĩ dẫn tới kết quả làm bài trắc nghiệm, do đó khó khăn trong việc kiểm tra năng lực tư duy (đặc biệt là tư duy sáng tạo) và phát hiện, sửa chữa sai lầm cho học sinh.

+ Có yếu tố may rủi, ngẫu nhiên trong kết quả làm bài trắc nghiệm.

+ Trắc nghiệm gồm chủ yếu là những câu hỏi với những câu trả lời có sẵn, do đó khó kiểm tra được năng lực sử dụng ngôn ngữ, kí hiệu toán học.

Ngày nay với sự phát triển mạnh mẽ của khoa học kĩ thuật, đặc biệt là sự phát triển mạnh mẽ của máy tính và các phần mềm dạy học, trắc nghiệm sẽ được giáo viên và học sinh sử dụng rộng rãi. Tuy nhiên trắc nghiệm vẫn có những hạn chế. Vì vậy cần căn cứ vào mục tiêu, yêu cầu kiểm tra đánh giá, vào đặc điểm của từng nội dung dạy học, vào hoàn cảnh điều kiện cụ thể để quyết định trường hợp nào nên

sử dụng trắc nghiệm, trường hợp nào không và trường hợp nào nên phối hợp trắc nghiệm với những phương pháp đánh giá khác.

Khi nào nên sử dụng trắc nghiệm khách quan hay tự luận

Theo ý kiến của các chuyên gia về trắc nghiệm, ta **nên sử dụng tự luận** để khảo sát thành quả học tập trong những trường hợp dưới đây:

- Khi nhóm học sinh được khảo sát không quá đông và đề khảo sát chỉ được sử dụng một lần, không dùng lại nữa;
- Khi giáo viên cố gắng tìm mọi cách có thể được để khuyến khích sự phát triển kỹ năng diễn tả bằng văn viết;
- Khi giáo viên tin tưởng về khả năng phê phán và chấm bài của mình một cách vô tư và chính xác hơn là vào khả năng soạn thảo những câu trắc nghiệm thật tốt;
- Khi không có nhiều thời gian soạn thảo bài khảo sát nhưng lại có nhiều thời gian để chấm bài.

Ngược lại, ta **nên sử dụng trắc nghiệm khách quan** trong những trường hợp sau:

- Khi giáo viên cần khảo sát thành quả học tập của một số đông học sinh, hay muốn rằng bài khảo sát ấy có thể được sử dụng lại vào một lúc khác;
- Khi giáo viên muốn có những điểm số đáng tin cậy, không phụ thuộc vào chủ quan người chấm bài;
- Khi giáo viên có nhiều câu hỏi trắc nghiệm tốt đã được dự trữ sẵn để có thể lựa chọn và soạn lại một bài trắc nghiệm mới, và muốn chấm nhanh để sớm công bố kết quả;
- Khi giáo viên muốn ngăn ngừa nạn học tủ, học vẹt.

3.3.2. TIÊU CHÍ ĐÁNH GIÁ CHẤT LƯỢNG CÂU HỎI TNKQ

Câu hỏi nhiều lựa chọn

Hãy đặt ra các câu hỏi dưới đây đối với mỗi câu hỏi đã biên soạn. Nếu một câu hỏi có câu trả lời là “không”, hãy xem xét lại chất lượng của câu hỏi đó.

1. Câu hỏi có thể hiện nội dung, cấp độ nhận thức nêu trong chuẩn CT hay không?
2. Câu hỏi có phù hợp với trọng số điểm hay không?
3. Câu dẫn có đặt ra câu hỏi trực tiếp hay một vấn đề cụ thể hay không?
4. Ngôn ngữ trình bày câu hỏi có tránh giống nguyên bản SGK không?
5. Từ ngữ và cấu trúc có rõ ràng và dễ hiểu đối với mọi học sinh không?
7. Mỗi phương án sai nhiều có được xây dựng dựa trên các lỗi thông thường của học sinh không?
8. Đáp án của câu hỏi này có độc lập với đáp án của các câu hỏi khác không?
9. Tất cả các phương án có đồng nhất và phù hợp với nội dung của câu dẫn không?
10. Có hạn chế phương án “Tất cả các đáp án trên đều đúng”, “không có phương án nào đúng” không?
11. Mỗi câu hỏi chỉ có một đáp án đúng không?

Câu ghép đôi

1. Câu hỏi có thể hiện nội dung, cấp độ nhận thức nêu trong chuẩn CT hay không?
2. Câu hỏi có phù hợp với trọng số điểm hay không?
3. Trong câu hỏi, các câu trả lời có thuộc cùng một loại sự kiện hay không?
4. Có nêu rõ cơ sở để ghép đôi một cách chính xác không?

5. Những câu trả lời có hợp lý đối với các câu hỏi không?
6. Có ít hơn 10 câu trả lời trong câu hỏi ghép đôi?
7. Có tránh “ghép đôi hoàn hảo” không?
8. Nếu có thể, các yếu tố trong phần trả lời có được sắp xếp theo thứ tự có nghĩa không (logic, số thứ tự, bảng chữ cái...)

Câu trả lời ngắn, điền khuyết

1. Câu hỏi có thể hiện nội dung, cấp độ nhận thức nêu trong chuẩn CT hay không?
2. Câu hỏi có phù hợp với trọng số điểm hay không?
3. Câu trả lời có phải chỉ là một cụm từ, một từ, một giá trị, một kí hiệu không?
4. Câu hỏi có chỗ trống để học sinh điền câu trả lời không?
5. Câu hỏi có tránh được trích dẫn từ nguyên bản SGK không?
6. Khoảng trống để điền câu trả lời của câu hỏi này có cùng độ dài với khoảng trống của các câu hỏi khác không?
7. Câu hỏi có chỉ rõ mức độ chi tiết, cụ thể, chính xác của câu trả lời không?
8. Câu hỏi có tránh việc đưa ra các đầu mối để tìm ra câu trả lời không?

3.4. TỰ ĐÁNH GIÁ

Khái niệm

- Tự đánh giá là người học đánh giá chất lượng công việc học tập của mình trên cơ sở các bằng chứng và tiêu chí rõ ràng với mục đích học tập tốt hơn trong tương lai.
- Với tư cách là một bộ phận của quá trình đánh giá, tự đánh giá phần lớn thuộc loại đánh giá hình thành. Tuy nhiên, đôi khi nó cũng có thể mang tính chất chẩn đoán hoặc tổng kết.
- Với tư cách là một hoạt động học tập, tự đánh giá là một hoạt động tự phản ánh về quá trình học của bản thân người học về những vấn đề như: họ đã học được những gì, họ đã học như thế nào và họ cần làm những gì để học tốt hơn...

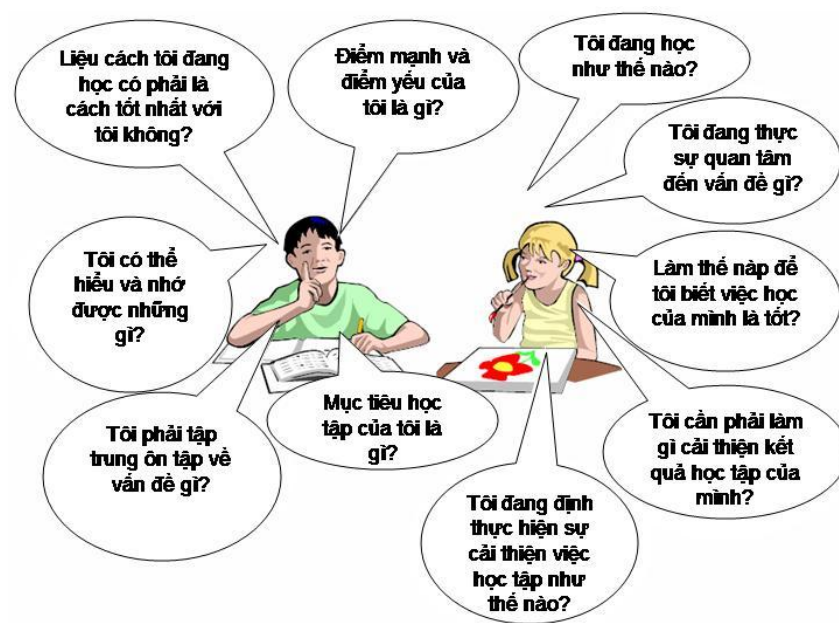
Sự cần thiết của việc tự đánh giá

Theo ý kiến của một số chuyên gia có ít nhất 6 lí do khiến hoạt động tự đánh giá trở nên cần thiết đối với quá trình dạy học:

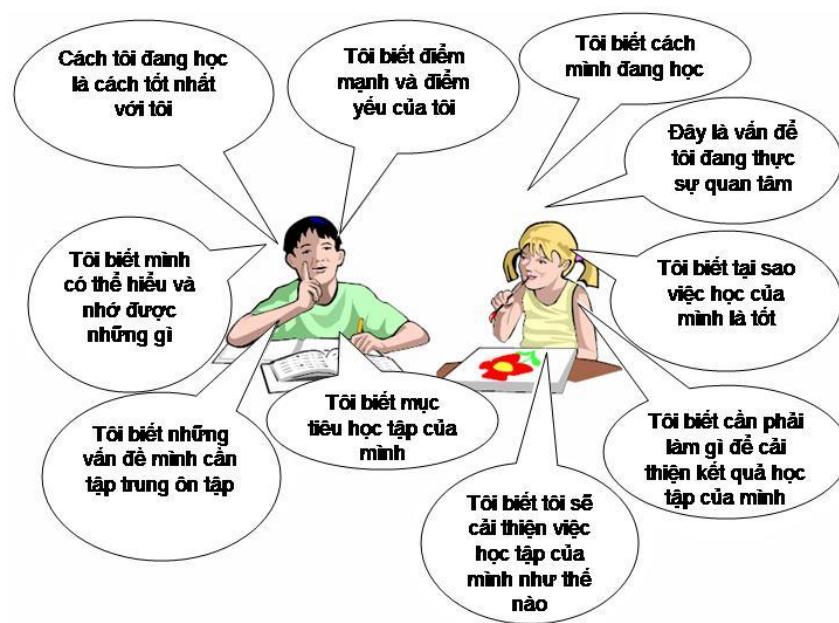
- Tự đánh giá giúp cho quá trình học tập trở nên rõ ràng, đơn giản hơn đối với người học, giúp người học luyện lập đánh giá và việc đánh giá này rất có lợi cho quá trình học tập của họ.
- Tự đánh giá giúp cho giáo viên và học sinh đánh giá được mức độ năng lực nhận thức của học sinh. Rèn luyện tự đánh giá thậm chí ở dạng đơn giản nhất, chẳng hạn bằng những câu hỏi như “chúng ta đã học được những gì” cũng có tác dụng khuyến khích người học nhìn thấy rõ hơn mục tiêu học tập.
- Đẩy mạnh tính hướng đích, tạo điều kiện để người học đạt được mục tiêu học tập.

- Quá trình học tập được mở rộng thông qua việc sử dụng phương pháp tự đánh giá, kỹ thuật đánh giá trong việc đánh giá quá trình và kết quả học tập của mình. Người học có thêm kinh nghiệm trong lĩnh vực đánh giá.
- Bằng việc thực hành tự đánh giá, người học tham gia đánh giá chính bản thân họ và chia sẻ gánh nặng đánh giá đối với giáo viên.
- Với việc thành công trong đánh giá bản thân, họ sẽ khẳng định ảnh hưởng tích cực của tự đánh giá đối với quá trình học tập của mình.
- Theo AAIA (Association for Achievement and Improvement through Assessment–Hiệp hội vì thành tích và cải thiện thành tích học tập thông qua đánh giá) thì tự đánh giá là một thành tố cơ bản chứ không phải là “thứ hàng xa xỉ” trong dạy học. Có nghĩa, nó là phương tiện để học sinh có trách nhiệm hơn đối với việc học tập của chính mình.

Chúng ta có thể tham khảo hình minh họa về các câu hỏi



và các câu trả lời của quá trình tự đánh giá của AAIA

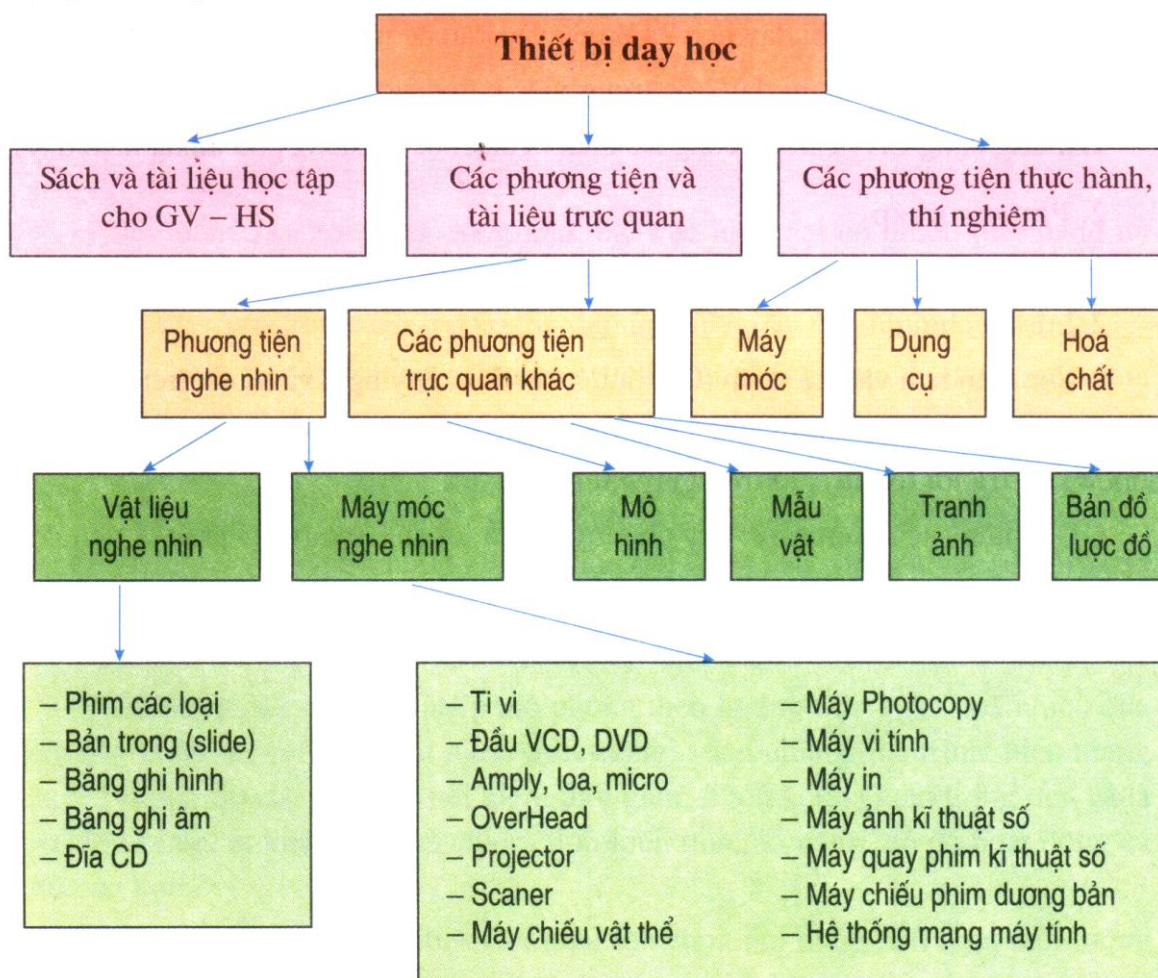


Một số biện pháp quan trọng phát triển kỹ năng tự đánh giá mà giáo viên đã sử dụng có hiệu quả

- Chia sẻ các mục tiêu học tập của bài học với học sinh.
- Lập kế hoạch và khuyến khích phản ánh về việc học đã xảy ra và xảy ra như thế nào.
- Khuyến khích học sinh ước định công việc của chính họ.
- Cố gắng tạo ra bầu không khí thuận lợi bên trong lớp học sao cho việc mắc lỗi được nhìn nhận như là cách thức cải thiện việc học chứ không phải là ghi nhận sự thất bại của cá nhân.
- Lồng ghép các mục tiêu học tập vào các cuộc thảo luận với học sinh.
- Hỗ trợ học sinh nhận thức được các bước tiếp theo của họ và chia sẻ các chuẩn môn học mà học sinh cần đạt.
- Có những hỗ trợ, động viên cần thiết và kịp thời giúp học sinh cải thiện việc học của mình

TƯ LIỆU 4: VỀ THIẾT BỊ DẠY HỌC

4.1. Hệ thống thiết bị dạy học ở trường phổ thông



Sơ đồ cấu trúc hệ thống thiết bị dạy học ở trường phổ thông

4.2: Gợi ý về một số lưu ý khi sử dụng thiết bị dạy học

Một số lưu ý khi sử dụng thiết bị dạy học	Bảng đen	Bảng trắng	Máy chiếu bản trong	PowerPoint	Tranh ảnh	Phiếu học tập
1. Sử dụng tốt các đặc điểm của chữ như CHỮ HOA, chữ đậm , và <u>gạch dưới</u>	✓	✓	✓	✓	✓	✓
2. Đảm bảo chữ viết có thể nhìn thấy từ cuối phòng	✓	✓	✓	✓	✓	✗
3. Cẩn thận với các màu nhạt như màu vàng	✓	✗	✗	✓	✗	✓
4. Đảm bảo chữ viết thẳng hàng (trừ phi bạn cố tình viết không thẳng hàng)	✓	✓	✓	✗	✓	✓
5. Sử dụng tốt các ‘khoảng trống trắng’ – không viết lộn xộn	✓	✓	✓	✓	✓	✓
6. Không cố đưa quá nhiều thứ vào một khoảng trống quá nhỏ	✓	✓	✓	✓	✓	✓
7. Không đứng trước đèn chiếu	?	?	✓	✓	?	✗
8. Sử dụng bút xóa được cho những việc tạm thời	✗	✓	✓	✗	✗	✗
9. Chuẩn bị chỗ trình bày trước khi bạn bắt đầu đưa bài viết vào	✓	✓	✓	✗	✓	?
10. Lau rửa bề mặt ít nhất 1 tuần 1 lần, hoặc mỗi khi nó bẩn	✓	✓	?	✗	✗	✗
11. Đảm bảo nó ở tầm cao để tất cả mọi người có thể nhìn thấy	✓	✓	✓	✓	✓	✗
12. Không chiếu hình lên trần nhà	✗	✗	✓	✓	✗	✗
13. Không làm cho ý muốn truyền tải của	?	?	?	✓	?	?

bạn bị mờ nhạt do quá nhiều hiệu ứng						
14. Không lãng phí giấy – lúc nào có thể thì phô tô 2 mặt	x	x	x	x	x	✓
15. Kiểm tra xem mọi thứ có được kết nối và bật lên	x	x	✓	✓	x	x
16. Đảm bảo giẻ lau sạch	✓	✓	x	x	x	x
17. Đảm bảo bút còn đủ mực	x	✓	✓	x	✓	x
18. Những chỗ có thể thì sử dụng tốt màu đối lập	✓	✓	✓	✓	✓	✓
19. Kiểm tra xem bạn đã để đúng chiều chưa hay để ngược chiều hoặc lộn mặt sau lên mặt trước	x	x	✓	x	x	x
20. Sử dụng hình ảnh, biểu đồ ở những chỗ phù hợp	✓	✓	✓	✓	✓	✓
21. Đọc kiểm tra lại những phần đã viết trước khi sử dụng	?	?	✓	✓	?	✓
22. Sử dụng chữ viết màu nhạt trên nền sẫm	✓	x	x	✓	x	x
23. Cố gắng kết hợp một nhiệm vụ học tích cực	✓	✓	✓	✓	✓	✓
24. Đảm bảo file liên quan có sẵn	x	x	x	✓	x	x
25. Khai thác công nghệ – đó không chỉ là cái bảng đen!	x	x	✓	✓	x	x
26. Đảm bảo hướng dẫn của bạn rõ ràng	✓	✓	✓	✓	✓	✓
27. Đánh máy những chỗ có thể	x	x	✓	x	x	✓
28. Chữ viết nét to đậm dễ nhìn từ khoảng cách xa	✓	✓	✓	x	✓	x
29. Không copy một bài viết thông thường - chữ quá nhỏ	x	x	x	✓	x	✓
30. Đảm bảo nó đứng vững an toàn	x	x	x	x	✓	x

Dựa vào kinh nghiệm dạy học của mình, bạn thấy có cần bổ sung thêm lưu ý nào không?

4.3. CÁC BƯỚC KHAI THÁC SỬ DỤNG MÔ HÌNH, MẪU VẬT TRONG DẠY HỌC

Tham khảo các bước sử dụng nêu trong bảng sau và thảo luận để hoàn thiện!

STT	Nội dung
1	Giáo viên giới thiệu tên mô hình, mẫu vật, nêu rõ mục tiêu của việc quan sát mô hình tĩnh, thao tác đối với mô hình, mẫu vật động, nêu rõ yêu cầu cần báo cáo của học sinh sau khi nghiên cứu mô hình, mẫu vật.
2	Học sinh hoạt động với mô hình, mẫu vật để khai thác nội dung kiến thức thể hiện trên mô hình, mẫu vật, chuẩn bị báo cáo và thảo luận.
3	Học sinh báo cáo và thảo luận: Mô tả đối với mô hình, mẫu vật tĩnh; thao tác đối với mô hình, mẫu vật động.
4	Rút ra kết luận từ việc quan sát, thao tác trên mô hình, mẫu vật của học sinh.

4.4. CÁC BƯỚC KHAI THÁC SỬ DỤNG TRANH ẢNH, BẢN ĐỒ, BIỂU ĐỒ, SƠ ĐỒ TRONG DẠY HỌC

Tham khảo các bước sử dụng nêu trong bảng sau. Đối chiếu với ý kiến của nhóm và thảo luận về sự khác biệt.

Loại hình	Các bước khai thác
Bản đồ giáo khoa	Bước 1: Tìm vị trí đối tượng trên bản đồ (hiểu hệ thống kí, ước hiệu, nhận biết, chỉ và đọc tên,...) Bước 2: Mô tả đối tượng (vị trí, kích thước...) Bước 3: Xác định các mối liên hệ của đối tượng, mô tả tổng hợp đối tượng cần nghiên cứu trên bản đồ.
Biểu đồ	Bước 1: Đọc biểu đồ (dạng, tên biểu đồ, bảng chú giải, nội dung của đối tượng thể hiện trên biểu đồ...) Bước 2: Nhận xét và giải thích: nhận xét về xu hướng thay đổi của đối tượng, giải thích, đưa ra các nguyên nhân của xu hướng thay đổi đó. Bước 3: Khái quát đưa ra xu hướng, đặc điểm chung của đối tượng được thể hiện trên biểu đồ.
Tranh ảnh	Bước 1: Xác định chủ đề, thu nhận, phân tích, đánh giá các thông tin từ hình ảnh. Bước 2: Bày tỏ thái độ, ý kiến, quan điểm của mình về hình ảnh đó. Bước 3: Miêu tả, nhận xét, khái quát đối tượng thể hiện trên hình ảnh bằng ngôn ngữ riêng của mình.
Sơ đồ	Bước 1: Xác định chủ đề của sơ đồ thể hiện. Bước 2: Xác định các thành phần, cấp độ và các mối liên hệ biểu thị trên sơ đồ (định kiến thức cơ bản, kiến thức suy luận và phân tích, kiến thức bản chất và đánh giá, đặc điểm của các cung sơ đồ...) Bước 3: Nhận xét, rút ra kết luận về đối tượng thể hiện trên sơ đồ.

4.5. SỬ DỤNG VIDEO TRONG DẠY HỌC

*** Các trường hợp cần thiết sử dụng video trong dạy học:**

- Khi nghiên cứu các đề tài không thể làm thí nghiệm, mặc dù đó là những thí nghiệm rất cơ bản, do thiết bị thí nghiệm cần sử dụng cồng kềnh, phức tạp, đắt tiền, không an toàn.
- Khi nghiên cứu các đối tượng, hiện tượng không thể quan sát, đo đạc trực tiếp được do chúng quá nhỏ hoặc quá to.
- Khi nghiên cứu các quá trình diễn ra quá nhanh.
- Khi nghiên cứu các hiện tượng diễn ra ở những nơi, những thời điểm không thể đến quan sát trực tiếp được.
- Khi nghiên cứu các ứng dụng kĩ thuật.
- Các loại phim học tập cũng còn được sử dụng khi trình bày lịch sử phát triển của một vấn đề, một phát minh khoa học và sự tiến bộ của khoa học kĩ thuật.

*** Lợi ích của việc sử dụng video trong dạy học:**

- Phim học tập giúp thu nhận thế giới tự nhiên vào lớp học, xoá bỏ những hạn hẹp về mặt không gian của lớp học và về mặt thời gian của giờ học.
- Nhờ các cuốn phim được quay trước học sinh với tốc độ mong muốn hoặc có thể làm dừng lại các hình ảnh, học sinh quan sát được rõ ràng các hiện tượng, các quá trình đã được phóng đại (thu nhỏ) một cách tối ưu, làm cho học sinh có những biểu tượng đúng đắn về chúng.
- Việc sử dụng các khả năng của sự đồ hoạ (đánh dấu, đóng khung, tô màu, sơ đồ, đồ thị), kết hợp hài hoà với các tín hiệu âm thanh và sự thuyết minh phim không những tạo ở học sinh những biểu tượng tốt

hơn về đối tượng nghiên cứu mà còn làm tăng tính trực quan và hiệu quả xúc cảm của phương tiện dạy học.

- Phim học tập có thể được sử dụng ở tất cả các giai đoạn của quá trình dạy học (tạo động cơ học tập, đề xuất vấn đề nghiên cứu, nghiên cứu kiến thức mới, củng cố), ở trong lớp học và ngoài lớp học, trong và ngoài giờ học chính khoá.

*** Phương pháp sử dụng video trong dạy học:**

- Đặt kế hoạch sử dụng video trong kế hoạch dạy học tổng thể một chương, một phần cụ thể: Sử dụng vào lúc nào? Nhằm đạt được mục đích gì?

- Các công việc chuẩn bị với học sinh trước khi sử dụng video

- + Giao cho học sinh nhiệm vụ ôn tập ở nhà những kiến thức cần thiết để có thể hiểu được nội dung video.

- + Nêu mục đích sử dụng video nhằm đặt học sinh ở tâm thế chờ đợi tích cực, khơi gợi tính tò mò nhận thức.

- + Trước khi sử dụng video, để định hướng sự chú ý của học sinh vào những nội dung cơ bản của video, giáo viên cần giao cho học sinh các nhiệm vụ cần hoàn thành sau khi xem video. Ví dụ: nêu các câu hỏi mà học sinh cần trả lời, các bảng, các bài tập mà học sinh cần điền vào chỗ trống sau khi xem video.

- Trong khi học sinh xem video, giáo viên cần quan sát, có thể đưa ra những gợi ý nhỏ để hướng sự chú ý của học sinh vào cái cơ bản, cái đặc biệt.

- Đánh giá hiệu quả việc sử dụng video thông qua sự trả lời của học sinh cho các câu hỏi (nhiệm vụ) nêu ra lúc đầu. Trong quá trình trả lời các câu hỏi, cần cho học sinh được trao đổi, đặt ra các câu hỏi, tranh luận nhằm có thể đánh giá đúng mức độ hiểu nội dung video của học sinh.

4.6. SỬ DỤNG SÁCH GIÁO KHOA TRONG DẠY HỌC

Với các yếu tố cấu trúc khác nhau, sách giáo khoa là phương tiện dạy học thích hợp cho việc giáo viên sử dụng ở tất cả các giai đoạn khác nhau của quá trình dạy học:

- Có thể sử dụng sách giáo khoa để đảm bảo trình độ xuất phát ban đầu của học sinh, tạo động cơ học tập, đặt vấn đề nghiên cứu tài liệu mới.

- Trong giai đoạn xây dựng kiến thức mới (giải quyết vấn đề), có hai khả năng để học sinh sử dụng sách giáo khoa:

- + Học sinh làm việc với sách giáo khoa trong khoảng thời gian ngắn của quá trình xây dựng kiến thức mới. Ví dụ: học sinh làm việc với các đoạn văn, hình vẽ, sơ đồ để tìm thông tin...

- + Học sinh tự lực làm việc với sách giáo khoa trong khoảng thời gian tương đối dài để lĩnh hội kiến thức mới. Khi đó, học sinh được thảo luận nhằm tổng hợp, thu nhận hoặc chế biến các thông tin trong sách giáo khoa.

- Trong giai đoạn củng cố các kiến thức, kĩ năng đã thu được, sách giáo khoa tạo điều kiện cho học sinh được lựa chọn các kiểu bài tập khác nhau từ đơn giản đến phức tạp, từ việc chỉ sử dụng những kiến thức vừa học đến việc phải vận dụng nhiều kiến thức đã học từ trước. Những lưu ý, tóm tắt, bản tổng kết các kiến thức cơ bản cuối mỗi bài học, chương học ở sách giáo khoa tạo điều kiện cho việc ôn tập, hệ thống hoá các kiến thức mà học sinh đã học.

- Trong giai đoạn kiểm tra, đánh giá kết quả học tập của học sinh, sách giáo khoa cũng có thể được sử dụng thông qua việc giáo viên cho học sinh làm các bài tập cuối chương trong sách giáo khoa hoặc giao cho học sinh chuẩn bị một báo cáo khoa học về chủ đề nào đó. Khi đó sách giáo khoa là một nguồn tài liệu. Cần tập cho học sinh có thói quen trả lời

các câu hỏi nêu trong sách giáo khoa sau mỗi đoạn, mỗi bài học để kiểm tra kiến thức của mình.

***Một số lưu ý khi hướng dẫn học sinh sử dụng sách giáo khoa:**

- Sự chuẩn bị của học sinh để làm việc với sách giáo khoa là yếu tố quan trọng để học sinh làm việc có hiệu quả. Công việc chuẩn bị đó phải được giáo viên giao cho học sinh dưới dạng một nhiệm vụ học tập, kích thích được học sinh phải làm việc với sách giáo khoa nhằm tìm kiếm, tiếp nhận và chế biến thông tin để thực hiện nhiệm vụ được giao.

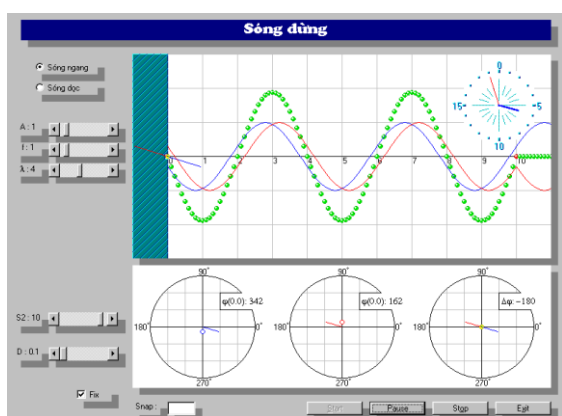
- Trong giai đoạn học sinh tự lực làm việc trực tiếp với sách giáo khoa, giáo viên phải lưu ý học sinh thu tóm nội dung của đoạn sách giáo khoa, rút ra những phát biểu cô đọng để trả lời cho câu hỏi nhằm hoàn thành nhiệm vụ được giao.

- Ở giai đoạn đánh giá kết quả làm việc với sách giáo khoa của học sinh, giáo viên phải kiên nhẫn sửa chữa những chỗ sai, bổ sung những chỗ chưa đầy đủ.

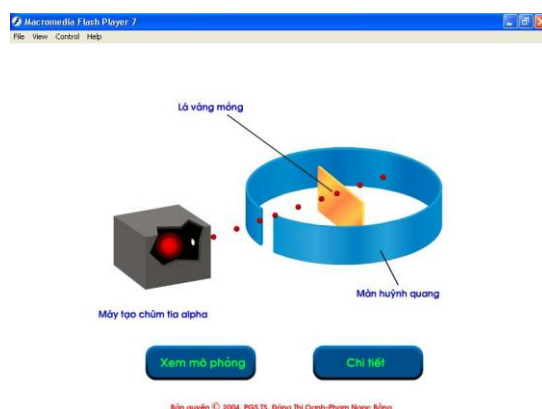
4.7. MỘT SỐ LOẠI PHẦN MỀM DẠY HỌC

Phần mềm mô phỏng các hiện tượng khó quan sát bằng mắt thường:

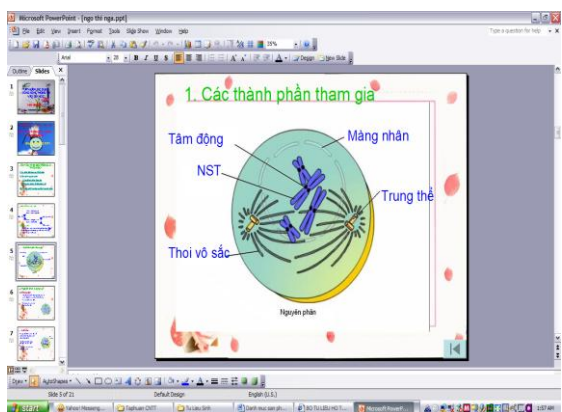
Trong các bộ môn khoa học thực nghiệm như vật lí, hóa học và sinh học có rất nhiều hiện tượng, quá trình không quan sát được trực tiếp bằng mắt thường nên khi dạy học giáo viên và học sinh gặp rất nhiều khó khăn. Đó là các hiện tượng vi mô như trong phân tử, nguyên tử, tế bào hay các quá trình có diễn biến quá nhanh hoặc quá chậm. Để hỗ trợ hoạt động dạy học các kiến thức đó chúng ta cần xây dựng các phần mềm mô phỏng.



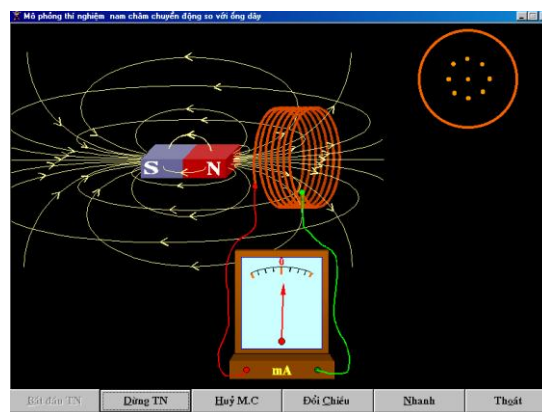
Mô phỏng quá trình truyền sóng và hiện tượng sóng dừng trong môn Vật lí



Mô phỏng thí nghiệm tìm ra tia âm cực trong môn Hóa học



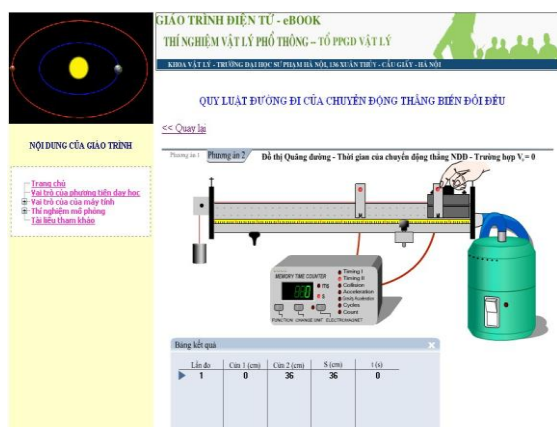
Mô phỏng tế bào trong môn Sinh vật



Mô phỏng hiện tượng cảm ứng điện từ trong môn Vật lí

Phần mềm mô phỏng các thí nghiệm trên máy tính:

Việc thiết kế các thí nghiệm mô phỏng trên máy tính nhằm nhiều mục đích. Thứ nhất là chúng được dùng làm tài liệu để sinh viên tự nghiên cứu cách tiến hành các thí nghiệm trước khi lên phòng thí nghiệm thực hành. Điều này sẽ tiết kiệm được thời gian tìm hiểu dụng cụ và tiến hành các thí nghiệm về mặt kỹ thuật để dành nhiều thời gian hơn cho việc tập sử dụng các thí nghiệm đó trong dạy học. Thứ hai là các thí nghiệm mô phỏng này có thể dùng làm tài liệu bồi dưỡng việc sử dụng thí nghiệm cho giáo viên trong các lớp tập huấn, trước khi họ thao tác với các dụng cụ thật. Thứ ba là bản thân các thí nghiệm này cũng có thể được giáo viên sử dụng trực tiếp khi dạy học ở trường phổ thông, đồng thời cũng là tài liệu tham khảo cho học sinh.



Mô phỏng thí nghiệm trên băng đệm không khí trong môn Vật lý

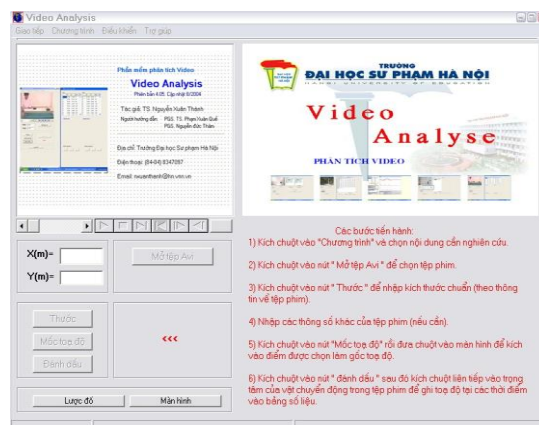
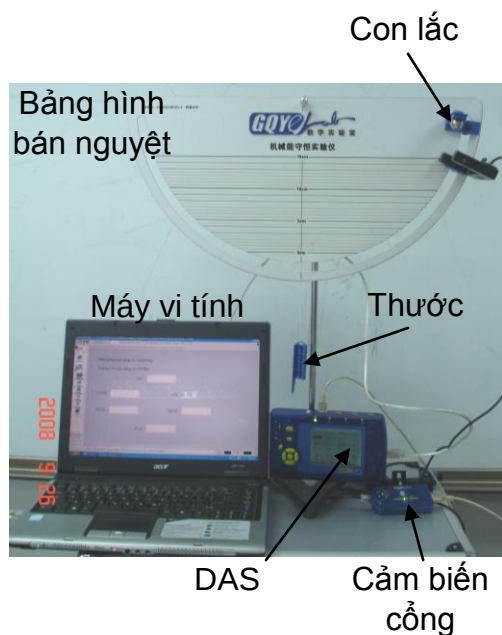


Mô phỏng dây chuyền điều chế axit trong môn Hóa học

Phần mềm hỗ trợ các thí nghiệm thực:

Khi tiến hành các thí nghiệm vật lý thường đòi hỏi rất nhiều thời gian trong việc thu thập số liệu, vẽ đồ thị thực nghiệm và xử lý kết quả. Vì vậy, máy vi tính có thể hỗ trợ thực hiện các công việc này một cách nhanh chóng và dành nhiều thời gian hơn để việc rèn luyện tư duy thực nghiệm cho học sinh như xây dựng giả thuyết, suy ra hệ quả, thiết kế phương án thí nghiệm kiểm tra hệ quả... Ngoài ra còn có một số thí nghiệm không

thể thực hiện được với các dụng cụ thông thường, đòi hỏi phải sử dụng máy vi tính để hỗ trợ mới có thể thực hiện được.

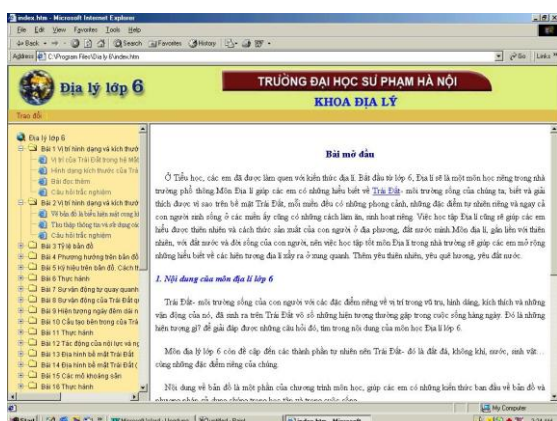


Phần mềm phân tích video nghiên cứu các chuyển động phức tạp và va chạm

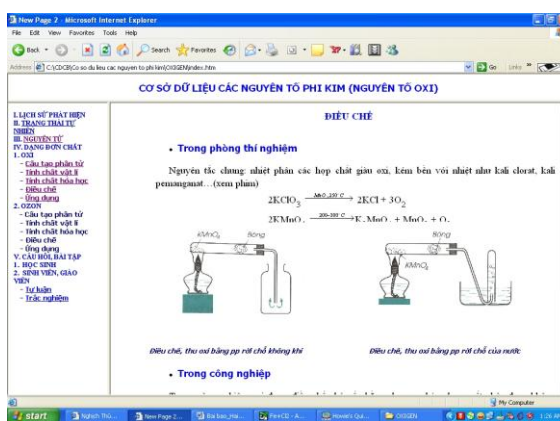
Bộ thí nghiệm ghép nối với máy vi tính

Giáo trình điện tử:

Các giáo trình điện tử và sách điện tử được xây dựng để làm tài liệu tự học cho sinh viên trong các trường đại học sư phạm đồng thời cũng là tài liệu tham khảo cho giáo viên khi dạy học ở trường phổ thông. Một số sách điện tử được xây dựng cho giáo viên sử dụng trực tiếp khi dạy học và cũng là tài liệu học tập ở nhà của học sinh. Ngoài ra còn có các giáo trình online (courseware) được xây dựng theo chương trình elearning.



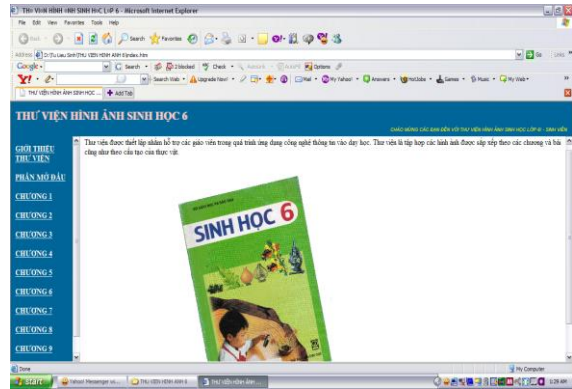
Sách điện tử môn Địa lý lớp 6



Sách điện tử về Cơ sở dữ liệu nguyên tố o xi môn Hóa học



Giáo trình online về tổ chức hoạt động nhận thức của học sinh trong DHVL



Thư viện hình ảnh môn Sinh vật lớp 6

Phần mềm quản lý video ghi thí nghiệm thực:

Bên cạnh các thí nghiệm được mô phỏng trên máy vi tính mà người sử dụng có thể tập các thao tác thì các video thí nghiệm có tính hiện thực cao hơn, có tác dụng hướng dẫn sử dụng thí nghiệm rất có hiệu quả. Đặc biệt là các phim này lại rất dễ sử dụng với đầu đĩa và ti vi nên giáo viên có thể dùng làm tài liệu tham khảo ở nhà hay chiếu cho học sinh xem lại sau bài học. Khi các video đó lại được quản lý bởi một phần mềm trên máy tính thì nó sẽ là tài liệu tự học rất tốt cho cả giáo viên và học sinh.



Video TN brom tác dụng với nhôm



Video hướng dẫn sử dụng thí nghiệm

4.8. SỬ DỤNG BẢNG TRONG DẠY HỌC

Yêu cầu về nội dung và kỹ thuật ghi chép trên bảng :

- Phải ghi chép một cách hệ thống, phản ánh được quá trình phát triển của nội dung bài học.
- Vạch rõ được bản chất của vấn đề nghiên cứu.
- Tập trung được sự chú ý của học sinh vào những vấn đề cần thiết, quan trọng.
- Cũng cố được nội dung nghiên cứu trong giờ học.
- Hướng dẫn được học sinh ghi chép vào vở và học tập ở nhà.

Để thoả mãn những yêu cầu trên, kết hợp với lời nói và viết, sử dụng các phương tiện dạy học khác, giáo viên có thể ghi lên bảng những điểm sau:

- Đầu bài (tên đề mục và các tiểu mục).
- Các hình vẽ, sơ đồ, đồ thị.
- Những công thức (nếu có) và các hệ quả suy ra từ những công thức đó.
- Bảng số liệu và những kết luận rút ra từ đó.
- Những thuật ngữ mới, tên tuổi các nhà bác học, tài liệu lịch sử và kỹ thuật.
- Bài tập về nhà (số mục phải đọc theo sách giáo khoa, một số bài tập trong sách giáo khoa hay sách bài tập...).

Tuy nhiên, phải tùy nội dung cụ thể của từng bài học mà ghi chép trên bảng những điểm cần thiết, miễn là đảm bảo được những yêu cầu nêu ở trên. Giáo viên cần phải chuẩn bị chu đáo nội dung ghi trên bảng ngay từ khi soạn kế hoạch chi tiết cho mỗi bài học.

Nên phân nội dung ghi trên bảng làm hai phần: một phần cần giữ lại trên bảng trong suốt giờ học (chẳng hạn như: dàn bài, công thức định nghĩa, định luật, đồ thị...), một phần có thể xoá đi sau khi đã dùng xong (chẳng hạn như câu hỏi đặt vấn đề, lời giải thích định luật, những phép tính...). Phần giữ lại nên ghi ở một bên bảng dưới hình thức rất tóm tắt. Phần thứ

hai cũng nên ghi ở một bên bảng và giáo viên cần căn cứ vào diện tích của bảng dành cho phần này để lường trước việc xoá bảng đúng lúc cần thiết.

Chữ viết và hình vẽ trên bảng phải đủ lớn để cho học sinh toàn lớp đều nhìn thấy rõ. Nên dùng phấn màu để làm nổi bật điểm cần chú ý.

Giáo viên cần phối hợp nhịp nhàng lời nói, việc viết và vẽ hình trên bảng với việc tiến hành thí nghiệm hoặc sử dụng phương tiện dạy học khác.

Yêu cầu và kĩ thuật vẽ hình trên bảng

- Hình vẽ mà giáo viên thực hiện trên bảng có mục đích chủ yếu là làm sáng tỏ bài học. Cho nên, điều trước hết cần quan tâm khi vẽ hình là tính chất sư phạm của chúng, chứ không phải là tính chất mỹ thuật. Hơn nữa, sự hạn chế về thời gian đòi hỏi phải vẽ hình trên bảng sao cho nhanh chóng. Vì thế, trước hết cần tuân theo những yêu cầu cơ bản sau:

- Hình vẽ phải đơn giản và rõ ràng để học sinh có thể thấy được những điểm chủ yếu, đồng thời cũng là để giáo viên và học sinh có đủ thời giờ vẽ ngay tại lớp, không ảnh hưởng tới việc dạy học các phần khác.

Muốn cho hình vẽ được đơn giản và rõ ràng, trong nhiều trường hợp, không thể sao chép lại những hình vẽ trong sách giáo khoa mà giáo viên phải cải biến, tước bỏ một số chi tiết không cần thiết hoặc chuyển từ cách vẽ này sang cách vẽ khác trong những trường hợp cần thiết

- Hình vẽ phải đúng kĩ thuật họa hình. Người ta hay dùng ba cách vẽ sau:

+ Vẽ chiếu vuông góc: theo cách vẽ này, các tia sáng đều coi như vuông góc với mặt hình vẽ. Do đó, ta chỉ nhìn thấy mặt ngoài của vật theo một phương nào đó hoặc từ đằng trước lại hoặc từ trên xuống. Cách vẽ này được dùng khi không cần phân biệt sự bố trí trước sau.

+ Vẽ cắt: Cách vẽ này mô tả hình dạng của vật trong mặt phẳng bỏ dọc hay bỏ ngang, thường được sử dụng khi cần thấy rõ cấu tạo bên trong của các máy móc, dụng cụ

+ Vẽ phối cảnh: Cách vẽ này cho thấy hình dạng của vật trong không gian, phân biệt rõ vị trí của các bộ phận sắp xếp trong không gian theo ba chiều. Trong cách vẽ phối cảnh, bộ phận nào ở gần sẽ to, bộ phận nào ở càng xa thì càng nhỏ, những bộ phận nằm trong một mặt phẳng song song với mặt phẳng hình vẽ thì giữ nguyên tỉ lệ kích thước, những bộ phận nằm trên đường vuông góc với mặt phẳng hình vẽ thì sẽ qui tụ lại ở một điểm gọi là chú điểm. Trong nhiều trường hợp, có thể coi chú điểm ở rất xa để các đường vuông góc với mặt phẳng hình vẽ song song với nhau.

+Vẽ hình phải kết hợp với nội dung bài học, đúng lúc cần thiết, tức là dạy tới đâu thì vẽ tới đó. Trong trường hợp hình vẽ phức tạp thì có thể vẽ ở giấy trước, nhưng chỉ vẽ mờ và đến khi dạy thì mới tô đậm lên hoặc có thể vẽ trên các tấm giấy bản trong phủ được lên nhau.

TƯ LIỆU 5: VỀ ỨNG DỤNG CÔNG NGHỆ THÔNG TIN

Khái quát về ứng dụng CNTT trong DH

Trong những năm gần đây, công nghệ thông tin được coi là một trong những ngành khoa học phát triển với tốc độ nhanh nhất. Được như vậy vì đây là một ngành khoa học phục vụ và mang lại hiệu quả rõ rệt cho hầu hết các ngành nghề khác nhau trong xã hội. Tuy vậy, tại Việt Nam, tiềm năng to lớn mà công nghệ thông tin có thể mang lại cho giáo dục chưa được khai thác một cách thoả đáng. Xét cho quá trình giáo dục, với sự đa dạng và phong phú của các phần mềm dạy học, công nghệ thông tin hoàn toàn có thể trợ giúp cho quá trình dạy học bởi những lý do dưới đây:

Thứ nhất, việc ứng dụng công nghệ thông tin trong dạy học sẽ khiến máy tính trở thành một công cụ hỗ trợ đắc lực cho quá trình dạy học, cụ thể là:

Khả năng biểu diễn thông tin: Máy tính có thể cung cấp thông tin dưới dạng văn bản, đồ thị, hình ảnh, âm thanh... Sự tích hợp này của máy tính cho phép mở rộng khả năng biểu diễn thông tin, nâng cao việc trực quan hoá tài liệu dạy học.

Khả năng giải quyết trong một khối thống nhất các quá trình thông tin, giao lưu và điều khiển trong dạy học: Dưới góc độ điều khiển học thì quá trình dạy học là một quá trình điều khiển hoạt động nhận thức của học sinh. Với một chương trình phù hợp, máy tính có thể điều khiển được hoạt động nhận thức của học sinh trong việc cung cấp thông tin, thu nhận thông tin ngược, xử lý thông tin và đưa ra các giải pháp cần thiết giúp hoạt động nhận thức của học sinh đạt kết quả cao.

Tính lặp lại trong dạy học: Khác với giáo viên, máy tính có thể lưu trữ một thông tin nào đó, cung cấp và lặp lại nó cho học sinh đến mức đạt được mục đích sư phạm cần thiết. Trên cơ sở này, sự phát triển của từng cá thể học sinh trong quá trình dạy học trở thành hiện thực. Điều đó tạo

điều kiện thuận lợi cho việc cá thể hoá trong quá trình dạy học.

Khả năng mô hình hoá các đối tượng: Đây chính là khả năng lớn nhất của máy tính. Nó có thể mô hình hoá các đối tượng, xây dựng các phương án khác nhau, so sánh chúng từ đó tạo ra phương án tối ưu. Thật vậy, có nhiều vấn đề, hiện tượng không thể truyền tải được bởi các mô hình thông thường, ví như các quá trình xảy ra trong lò phản ứng hạt nhân, hiện tượng diễn ra trong xilanh của động cơ đốt trong, từ trường quay trong động cơ không đồng bộ ba pha, chuyển động của điện tử xung quanh hạt nhân... trong khi đó máy tính hoàn toàn có thể mô phỏng chúng.

Khả năng lưu trữ và khai thác thông tin: Với bộ nhớ ngoài có dung lượng như hiện nay, máy tính có thể lưu trữ một lượng lớn dữ liệu. Điều này cho phép thành lập các ngân hàng dữ liệu. Các máy tính còn có thể kết nối với nhau tạo thành các mạng cục bộ hay kết nối với mạng thông tin toàn cầu Internet. Đó chính là những tiền đề giúp giáo viên và học sinh dễ dàng chia sẻ và khai thác thông tin cũng như xử lý chúng có hiệu quả.

Thứ hai, ứng dụng công nghệ thông tin trong dạy học có thể hỗ trợ cho nhiều hình thức dạy học khác nhau như dạy học giáp mặt (face to face); dạy học từ xa (distance learning); phòng đào tạo trực tuyến (online training lab); học dựa trên công nghệ web (web based training); học điện tử (e-learning)...đáp ứng được nhu cầu học tập ngày càng cao của các thành phần khác nhau trong xã hội.

Thứ ba, ứng dụng công nghệ thông tin trong dạy học dẫn đến việc giao cho máy tính thực hiện một số chức năng của người thầy giáo ở những khâu khác nhau của quá trình dạy học. Nhờ đó, có thể xây dựng những chương trình dạy học mà ở đó máy thay thế một số công việc của người giáo viên... Cách dạy này đã thể hiện nhiều ưu điểm về mặt sư phạm như khuyến khích sự làm việc độc lập của học sinh, đảm bảo mối liên hệ ngược và cá biệt hoá quá trình học tập.

Một số lưu ý khi ứng dụng công nghệ thông tin trong dạy học

ở các trường THCS vùng khó khăn nhất

- Cơ sở hạ tầng còn nghèo nàn
- Trình độ công nghệ thông tin thấp
- Thiếu sự quan tâm, đầu tư về công nghệ thông tin
- Khả năng tiếp cận cái mới không nhanh
- Hạn chế trong rào cản về ngôn ngữ
- Nữ thường ít được quan tâm, chú trọng hơn nam giới
-

THỰC HÀNH DẠY HỌC TÍCH CỰC VÀ ĐÁNH GIÁ THEO MÔN HỌC

Bài 2. Thực hành dạy học tích cực theo môn học

Mục đích

Nâng cao năng lực cho GVNC về dạy học tích cực nhằm giúp NTG có khả năng vận dụng những kiến thức và kỹ năng đã học trong thực tiễn dạy học theo đặc thù bộ môn

Mục tiêu

Sau bài học, NTG có khả năng: Thực hành dạy học tích cực (thể hiện được một số kỹ thuật & PPDH; PP đánh giá; Sử dụng TBDH hiệu quả và ứng dụng CNTT theo thiết kế KHBH của môn học).

Phương tiện đánh giá:

- Kết quả làm bài tập với các phiếu Bài tập
- Bản tiêu chí đánh giá giờ thực hành dạy học.

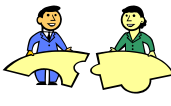
Tài liệu cần:

- Các phiếu bài tập:
- + Số 1: *Nghiên cứu, bổ sung và hoàn thiện tư liệu: Một số dấu hiệu cơ bản để đánh giá các biểu hiện cơ bản của dạy học tích cực*
- + Số 2: *Dựa vào thiết kế KHBH đã soạn, hãy tiến hành dạy học vì môn theo nhóm môn (các học viên sẽ đóng vai là học sinh)*
- + Số 3: *Thực hành dạy học tại trường THCS (1 lớp dạy môn tự nhiên; 1 lớp dạy môn xã hội)*
- + Số 4: *Phản hồi tích cực các giờ dạy tại trường THCS*
- + Số 5: *Hoàn thiện thiết kế KHBH qua trải nghiệm và theo góp ý*
 - Tài liệu phát tay:
- + *Một số dấu hiệu cơ bản để đánh giá các biểu hiện cơ bản của dạy học tích cực*
- + *Thiết kế KHBH của các môn*

Bài 2. Thực hành dạy học tích cực theo môn học

Hoạt động 1: Nghiên cứu, bổ sung và hoàn thiện tư liệu: Một số dấu hiệu cơ bản để đánh giá các biểu hiện cơ bản của dạy học tích cực.

	Hoạt động của người hướng dẫn	Hoạt động của người tham gia	Ghi chú
5 phút	- Chia lớp thành các nhóm theo môn học (môn nào đông có thể chia thành 2 nhóm; môn nào quá ít thì ghép 2 môn thành một nhóm), giao nhiệm vụ cho mỗi nhóm theo phiếu học tập: số 1, 2 - Hướng dẫn sử dụng kỹ thuật khăn trải bàn. - Phát giấy A₀...	- Lắng nghe - Tạo nhóm, bầu nhóm trưởng, thư kí - Lắng nghe và nhận giấy A₀, bút... 	Phát phiếu học tập số 1, 2 

30 phút	- Yêu cầu mỗi cá nhân viết vào góc khăn của mình trong thời gian 10 phút.  - Trao đổi nhóm và ghi ý kiến nhóm vào ô chính giữa khăn trong thời gian 20 phút	- Cá nhân suy nghĩ, viết ý kiến lên góc khăn của mình  - Trao đổi, thống nhất ý kiến của nhóm, ghi vào giữa khăn 	- Sử dụng Ao cho các nhóm có kẻ ô để cá nhân ghi ý kiến, ô giữa dành cho nhóm. - Nếu lớp đông, bố trí 2 HV ghi 1 góc khăn 
20 phút	- Tổ chức cho các nhóm báo cáo kết quả: Yêu cầu nêu rõ những điểm đã thống nhất, những điểm đã bổ sung, những điểm bảo lưu và lí do.	- Đại diện nhóm trình bày, lớp bình luận	- Các nhóm lần lượt trình bày (chú ý không nhắc lại những ý trùng lặp)
5 phút	- Kết luận (nếu cần)	- Cá nhân lắng nghe, ghi chép, bổ sung vào tư liệu và hỏi nếu chưa rõ	- Chú ý: Tận dụng tất cả các ý kiến của cá nhân, nhóm, không nhắc lại ý kiến đúng. - Sản phẩm:

			Khăn trải bàn tập hợp ý kiến cá nhân, nhóm về bản tiêu chí đánh giá giờ dạy
Hoạt động 2: Thực hành dạy học vi môn theo nhóm môn			
	Hoạt động của người hướng dẫn	Hoạt động của người tham gia	Ghi chú
220 phút	-Thực hiện dạy học vi môn theo thiết kế KHBH đã hoàn thiện - Tổ chức đánh giá giờ dạy theo môn, thống nhất ý kiến chung	- Chia thành các nhóm theo môn - Nhận tài liệu KHBH và bản tiêu chí đánh giá giờ dạy (cá nhân)	- Phát phiếu bài tập số 3 - Mỗi nhóm chỉ nhận kế hoạch bài học theo môn của mình và bản tiêu chí đánh giá
240 phút	- Tổ chức thảo luận toàn lớp (để cho các nhóm nêu những ý kiến mà nhóm chưa thống nhất) - Giải đáp (nếu cần)	- Thảo luận toàn lớp, thống nhất đáp án	Sản phẩm là các ý kiến của cá nhân/ nhóm và của lớp hoặc giáo viên về giờ dạy

Hoạt động 3: Thực hành dạy học tại trường THCS

	Hoạt động của người hướng dẫn	Hoạt động của người tham gia	Ghi chú
45 phút	- Tổ chức thực hành dạy học tại trường THCS	- dự giờ - Quan sát và ghi chép Thực hiện phiếu bài tập số 6	Dựa vào Bản Tiêu chí
120 phút	- Tổ chức phản hồi tích cực - Tổ chức đánh giá giờ dạy - Kết luận	- Thực hiện phản hồi tích cực và đánh giá giờ dạy	

Hoạt động 4: <i>Hoàn thiện thiết kế KHBH qua trải nghiệm và góp ý</i>
--

Hoàn thiện thiết kế KHBH qua trải nghiệm và góp ý

	Hoạt động của người hướng dẫn	Hoạt động của người tham gia	Ghi chú
200 phút	- Hướng dẫn bổ sung, điều chỉnh và hoàn thiện KHBH qua phần thực hành dạy học	Cá nhân hoặc nhóm	Sản phẩm là các giáo án/KHBH đã bổ sung, điều chỉnh và hoàn thiện

			
40 phút	Tổ chức chia sẻ toàn lớp (nếu còn thời gian hoặc có những vấn đề cần trao đổi chung)	- Cá nhân/ nhóm nêu ý kiến - lớp bình luận	
10 phút	- Kết luận (nếu cần)	- Cá nhân lắng nghe, ghi chép, bổ sung vào tư liệu và hỏi nếu chưa rõ	Tận dụng tất cả các ý kiến của cá nhân, nhóm.

Phiếu bài tập số 1

Nghiên cứu, bổ sung và hoàn thiện tư liệu: Một số dấu hiệu cơ bản để đánh giá các biểu hiện cơ bản của dạy học tích cực

Phiếu bài tập số 2

Dựa vào TKKHBH, hãy tiến hành dạy học vì môn theo nhóm môn (các học viên sẽ đóng vai là học sinh)

Phiếu bài tập số 3

Thực hành dạy học tại trường THCS (1 lớp dạy môn tự nhiên; 1 lớp dạy môn xã hội)

Phiếu bài tập số 4

Thực hiện Phản hồi tích cực các giờ dạy tại trường THCS

Phiếu bài tập số 5

Hoàn thiện thiết kế KHBH qua trải nghiệm và theo góp ý

TU' LIỆU 1:

Một số dấu hiệu cơ bản để đánh giá các biểu hiện CỦA DẠY HỌC TÍCH CỰC

- Thể hiện đúng đặc trưng môn học. Vận dụng các phương pháp dạy học linh hoạt theo hướng đổi mới PPDH
- Tổ chức các hoạt động học tập phù hợp, đa dạng tập trung vào trọng tâm của bài học, đạt được các yêu cầu về kiến thức, kỹ năng (theo chuẩn)
- Sử dụng đồ dùng và thiết bị dạy học hợp lý, có hiệu quả, đảm bảo tính sư phạm
- Quan tâm tới tất cả học sinh trong lớp học, chú ý tới dạy học phân hoá (có hỗ trợ riêng cho học sinh gặp khó khăn trong học tập)
- Chú ý đến cách dạy học sinh cách học, tăng cường học tập cá thể phối hợp với học tập hợp tác
- Phân bổ thời gian cho các hoạt động hợp lý. đảm bảo thời lượng theo qui định
- Xử lý tình huống sư phạm có tác dụng giáo dục, khuyến khích, động viên học sinh phát huy khả năng học tập (tôn trọng câu trả lời của học sinh, khuyến khích sự tham gia của HS, có thái độ gần gũi, thân thiện với HS)
- Tổ chức hoạt động đánh giá linh hoạt, phù hợp, kết hợp đánh giá của thầy với trò và giữa trò với trò
- Học sinh được khuyến khích liên hệ những kiến thức đã biết để phát hiện kiến thức mới, rèn luyện kỹ năng, vận dụng vào thực tiễn một cách sáng tạo, linh hoạt
- Học sinh hứng thú học tập (chủ động, tích cực, tự hình thành những năng lực, phẩm chất cần thiết)
- Thực hiện tốt mục tiêu bài học
-

Bài 3. Thực hành đánh giá tổng kết - Thiết kế đề kiểm tra học kì (theo môn học) (860 phút)

Mục đích

Nâng cao năng lực cho GVNC về công tác đánh giá kết quả học sinh THCS nói chung và vùng khó nói riêng

Có khả năng vận dụng những kiến thức và kĩ năng đã học về đánh giá để thiết kế đề kiểm tra dựa theo chuẩn KT-KN của môn học

Mục tiêu

Sau bài học, NTG có khả năng:

- Hiểu bản chất và ý nghĩa của đánh giá tổng kết
- Thiết kế được đề kiểm tra học kì theo môn theo đúng qui trình: xác định mục tiêu của đề (dựa vào chuẩn KT-KN), lập ma trận đề, biên soạn câu hỏi , xây dựng đáp án
- **Phương tiện đánh giá:**
- Kết quả làm bài tập với các phiếu bài tập
- Đề kiểm tra học kì của các môn học

Tài liệu cần:

- Các phiếu bài tập:
 - + Số 1: *Hãy nêu cách biên soạn đề kiểm tra mà Thầy / cô thường dùng trong dạy học*
 - + Số 2: *Để đánh giá kết quả học tập của học sinh(một học kì), Thầy/ cô thường sử dụng những phương pháp đánh giá nào?*
 - + Số 3: *khi biên soạn đề kiểm tra, Thầy/ cô thường dựa vào những tài liệu nào? Trong những tài liệu đó thì tài liệu nào là quan trọng nhất? Tại sao*

+ Số 4: *Thầy/ cô thường gặp những khó khăn gì khi thực hiện đánh giá kết quả học tập của học sinh(đánh giá tổng kết).*

+ Số 5: *Theo Thầy/cô, để thiết kế được một đề kiểm tra (học kì) tốt cần phải lưu ý những điểm nào?*

+ Số 7: *Thực hành thiết kế đề kiểm tra (học kì) theo môn (cá nhân hoặc nhóm).*

Tài liệu phát tay: Tư liệu về qui trình biên soạn đề kiểm tra:

HƯỚNG DẪN BIÊN SOẠN ĐỀ KIỂM TRA

(Kèm theo công văn số 8773/BGDĐT-GDTrH ngày 30 - 12 - 2010

của Bộ GDĐT)

Bài 3. Thực hành đánh giá theo môn học

Hoạt động 1: *Hãy nêu cách biên soạn đề kiểm tra mà Thầy/cô thường làm trong dạy học ở trường THCS*

	Hoạt động của người hướng dẫn	Hoạt động của người tham gia	Ghi chú
10 phút	- Tổ chức thảo luận toàn lớp - Sử dụng các phiếu học tập: số 1,2,3,4	- Lắng nghe , động não	Phát phiếu học tập số 1,2,3,4
30phút	- Sử dụng kỹ thuật tia chớp - Mời 4 HV lên bảng ghi lại các câu trả lời theo các phiếu học tập (mỗi HV viết các câu trả lời vào 01 tờ giấy Ao) - Yêu cầu mỗi cá nhân nêu ít nhất 01 ý kiến - Chú ý tránh trùng lặp với ý kiến trước. - Trao đổi toàn lớp và đánh dấu các ý kiến thống nhất trên giấy Ao và thảo luận, chia sẻ những ý kiến còn băn khoăn hoặc chưa thống nhất	- Cá nhân suy nghĩ, trình bày ý kiến của mình  - Bổ sung những ý còn thiếu - Ghi chép	- Sử dụng Ao cho các nhóm có kẻ ô để ghi ý kiến cá nhân  - Không sử dụng tài liệu khi thảo luận (chỉ vận dụng kỹ thuật động não)

	- Bổ sung		
5 phút	- Kết luận (nếu cần) 	- Cá nhân lắng nghe, ghi chép, bổ sung vào tư liệu và hỏi nếu còn chưa rõ	- Chú ý: Tận dụng tất cả các ý kiến của cá nhân, Sản phẩm: Ý kiến cá nhân, nhóm
Hoạt động 2: Trình bày những khó khăn khi thực hiện đánh giá kết quả học tập của học sinh THCS			
	Hoạt động của người hướng dẫn	Hoạt động của người tham gia	Ghi chú
10 phút 90 phút	- Thực hiện kỹ thuật khăn trải bàn: - Chia lớp thành 4 hoặc 8 nhóm theo môn học (nếu môn nào đông sẽ chia thành 2 hoặc 3 nhóm). - Phát phiếu học tập số 5 - Yêu cầu cá nhân suy nghĩ và viết ý kiến vào góc khăn của mình - Tổ chức thảo luận nhóm theo môn, thống nhất ý kiến chung	- Chia thành 4 hoặc 8 nhóm theo môn - Cá nhân suy nghĩ và thực hiện - Thảo luận nhóm, thống nhất đáp án	- Phát phiếu bài tập số 5 - Nhóm nào đông thì 2 hoặc 3 người viết vào 01 góc khăn - Chú ý không trao đổi để phát huy tối đa được ý kiến của các cá nhân

40 phút	- Tổ chức cho các nhóm báo cáo kết quả - Giải đáp (nếu cần)	- Cử đại diện trình bày trước lớp - Tranh luận, bổ sung	- Sản phẩm là các ý kiến của cá nhân và của nhóm
Hoạt động 3: Thực hành thiết kế đề kiểm tra (học kì) theo môn			
	Hoạt động của người hướng dẫn	Hoạt động của người tham gia	Ghi chú
360 phút	- Phát phiếu bài tập số 6 - Thực hành thiết kế đề kiểm tra theo môn (có thể theo nhóm môn hoặc cá nhân) - Tổ chức góp ý theo môn hoặc nhóm môn	Cá nhân hoặc nhóm môn thực hành thiết kế đề kiểm tra	Sản phẩm là các đề kiểm tra của các môn
90 phút	- Tổ chức chia sẻ toàn lớp (nếu còn thời gian hoặc có những vấn đề cần trao đổi chung)	- Đại diện nhóm trình bày, lớp bình luận	Sản phẩm là các đề kiểm tra học kì của cá nhân/nhóm có bổ sung ý kiến phản hồi

10 phút	- Kết luận (nếu cần)	- Cá nhân lắng nghe, ghi chép, bổ sung vào tư liệu và hỏi nếu chưa rõ	Tận dụng tất cả các ý kiến của cá nhân, nhóm. Tránh nhắc lại những ý kiến đúng
------------	----------------------	---	--

Phiếu bài tập số 1

Hãy nêu cách biên soạn đề kiểm tra mà Thầy /cô thường làm trong dạy học ở trường THCS

Phiếu bài tập số 2

Để đánh giá kết quả học tập của học sinh, Thầy /cô thường sử dụng những phương pháp đánh giá nào?

Phiếu bài tập số 3

Khi biên soạn đề kiểm tra, Thầy/ cô thường dựa vào những tài liệu nào? Trong những tài liệu đó thì tài liệu nào là quan trọng nhất? Tại sao?

Phiếu bài tập số 4

Thầy/ cô thường gặp những khó khăn gì khi thực hiện đánh giá kết quả học tập của học sinh.

Phiếu bài tập số 5

Theo Thầy/ cô, để thiết kế được một đề kiểm tra tốt cần phải lưu ý những điểm nào?

Phiếu bài tập số 6

Thực hành thiết kế đề kiểm tra (học kì) theo môn (cá nhân hoặc nhóm).

Tư liệu 1 :

HƯỚNG DẪN BIÊN SOẠN ĐỀ KIỂM TRA

(Kèm theo công văn số 8773/BGDĐT-GDTrH ngày 30 tháng 12 năm 2010 của Bộ GDĐT)

Đánh giá kết quả học tập của học sinh là một hoạt động rất quan trọng trong quá trình giáo dục. Đánh giá kết quả học tập là quá trình thu thập và xử lý thông tin về trình độ, khả năng thực hiện mục tiêu học tập của học sinh nhằm tạo cơ sở cho những điều chỉnh sự phạm của giáo viên, các giải pháp của các cấp quản lý giáo dục và cho bản thân học sinh, để học sinh học tập đạt kết quả tốt hơn.

Đánh giá kết quả học tập của học sinh cần sử dụng phối hợp nhiều công cụ, phương pháp và hình thức khác nhau. Đề kiểm tra là một trong những công cụ được dùng khá phổ biến để đánh giá kết quả học tập của học sinh.

Để biên soạn đề kiểm tra cần thực hiện theo quy trình sau:

Bước 1. Xác định mục đích của đề kiểm tra

Đề kiểm tra là một công cụ dùng để đánh giá kết quả học tập của học sinh sau khi học xong một chủ đề, một chương, một học kì, một lớp hay một cấp học nên người biên soạn đề kiểm tra cần căn cứ vào mục đích yêu cầu cụ thể của việc kiểm tra, căn cứ chuẩn kiến thức kĩ năng của chương trình và thực tế học tập của học sinh để xây dựng mục đích của đề kiểm tra cho phù hợp.

Bước 2. Xác định hình thức đề kiểm tra

Đề kiểm tra (viết) có các hình thức sau:

- 1) Đề kiểm tra tự luận;
- 2) Đề kiểm tra trắc nghiệm khách quan;

3) Đề kiểm tra kết hợp cả hai hình thức trên: có cả câu hỏi dạng tự luận và câu hỏi dạng trắc nghiệm khách quan.

Mỗi hình thức đều có ưu điểm và hạn chế riêng nên cần kết hợp một cách hợp lý các hình thức sao cho phù hợp với nội dung kiểm tra và đặc trưng môn học để nâng cao hiệu quả, tạo điều kiện để đánh giá kết quả học tập của học sinh chính xác hơn.

Nếu đề kiểm tra kết hợp hai hình thức thì nên có nhiều phiên bản đề khác nhau hoặc cho học sinh làm bài kiểm tra phần trắc nghiệm khách quan độc lập với việc làm bài kiểm tra phần tự luận: làm phần trắc nghiệm khách quan trước, thu bài rồi mới cho học sinh làm phần tự luận.

Bước 3. Thiết lập ma trận đề kiểm tra (bảng mô tả tiêu chí của đề kiểm tra)

Lập một bảng có hai chiều, một chiều là nội dung hay mạch kiến thức, kĩ năng chính cần đánh giá, một chiều là các cấp độ nhận thức của học sinh theo các cấp độ: nhận biết, thông hiểu và vận dụng (gồm có vận dụng ở cấp độ thấp và vận dụng ở cấp độ cao).

Trong mỗi ô là chuẩn kiến thức kĩ năng chương trình cần đánh giá, tỉ lệ % số điểm, số lượng câu hỏi và tổng số điểm của các câu hỏi.

Số lượng câu hỏi của từng ô phụ thuộc vào mức độ quan trọng của mỗi chuẩn cần đánh giá, lượng thời gian làm bài kiểm tra và trọng số điểm quy định cho từng mạch kiến thức, từng cấp độ nhận thức.

KHUNG MA TRẬN ĐỀ KIỂM TRA
(Dùng cho loại đề kiểm tra TL hoặc TNKQ)

Tên chủ đề (nội dung, chương...)	Cấp độ	Nhận biết	Thông hiểu	Vận dụng		Cộng
				Cấp độ thấp	Cấp độ cao	
Chủ đề 1		Chuẩn KT, KN cần kiểm tra (Ch)	(Ch)	(Ch)	(Ch)	
<i>Số câu Số điểm Tỷ lệ %</i>		<i>Số câu Số điểm</i>	<i>Số câu Số điểm</i>	<i>Số câu Số điểm</i>	<i>Số câu Số điểm</i>	<i>Số câu ... điểm=...%</i>
Chủ đề 2		(Ch)	(Ch)	(Ch)	(Ch)	
<i>Số câu Số điểm Tỷ lệ %</i>		<i>Số câu Số điểm</i>	<i>Số câu Số điểm</i>	<i>Số câu Số điểm</i>	<i>Số câu Số điểm</i>	<i>Số câu ... điểm=...%</i>
.....						
.....						
Chủ đề n		(Ch)	(Ch)	(Ch)	(Ch)	

<i>Số câu</i>		<i>Số câu</i>	<i>Số câu</i>	<i>Số câu</i>	<i>Số câu</i>	<i>Số câu</i>
<i>Số điểm</i>	<i>Tỉ lệ %</i>	<i>Số điểm</i>	<i>Số điểm</i>	<i>Số điểm</i>	<i>Số điểm</i>	<i>... điểm=...%</i>
Tổng số câu		Số câu	Số câu		Số câu	Số câu
Tổng số điểm		Số điểm	Số điểm		Số điểm	Số điểm
Tỉ lệ %		%	%		%	

KHUNG MA TRẬN ĐỀ KIỂM TRA

(Dùng cho loại đề kiểm tra kết hợp TL và TNKQ)

Cấp độ Tên Chủ đề (nội dung, chương...)	Nhận biết		Thông hiểu		Vận dụng				Cộng
					Cấp độ thấp		Cấp độ cao		
	TNKQ	TL	TNK Q	TL	TNK Q	TL	TNK Q	TL	
Chủ đề 1	Chuẩn KT, KN cần kiểm tra (Ch)	(Ch)	(Ch)	(Ch)	(Ch)	(Ch)	(Ch)	(Ch)	
<i>Số câu</i> <i>Số điểm</i> <i>Tỉ lệ %</i>	<i>Số câu</i> <i>Số điểm</i>	<i>Số câu</i> <i>Số điểm</i>	<i>Số câu</i> <i>Số điểm</i>	<i>Số câu</i> <i>Số điểm</i>	<i>Số câu</i> <i>Số điểm</i>	<i>Số câu</i> <i>Số điểm</i>	<i>Số câu</i> <i>Số điểm</i>	<i>Số câu</i> <i>Số điểm</i>	<i>Số câu</i> ... <i>điểm=...</i> %
Chủ đề 2	(Ch)	(Ch)	(Ch)	(Ch)	(Ch)	(Ch)	(Ch)	(Ch)	
<i>Số câu</i>	<i>Số câu</i>	<i>Số câu</i>	<i>Số</i>	<i>Số</i>	<i>Số</i>	<i>Số</i>	<i>Số</i>	<i>Số</i>	<i>Số câu</i>

<i>Số điểm</i> <i>Tỉ lệ %</i>	<i>Số điểm</i>	<i>Số điểm</i>	<i>câu</i> <i>Số điểm</i>	<i>câu</i> <i>Số điểm</i>	<i>câu</i> <i>Số điểm</i>	<i>câu</i> <i>Số điểm</i>	<i>câu</i> <i>Số điểm</i>	<i>câu</i> <i>Số điểm</i>	... <i>điểm=...</i> %
.....									
.....									
Chủ đề n	(Ch)	(Ch)	(Ch)	(Ch)	(Ch)	(Ch)	(Ch)	(Ch)	
<i>Số câu</i> <i>Số điểm</i> <i>Tỉ lệ %</i>	<i>Số câu</i> <i>Số điểm</i>	<i>Số câu</i> <i>Số điểm</i>	<i>Số câu</i> <i>Số điểm</i>	<i>Số câu</i> <i>Số điểm</i>	<i>Số câu</i> <i>Số điểm</i>	<i>Số câu</i> <i>Số điểm</i>	<i>Số câu</i> <i>Số điểm</i>	<i>Số câu</i> <i>Số điểm</i>	<i>Số câu</i> ... <i>điểm=...</i> %
Tổng số câu Tổng số điểm <i>Tỉ lệ %</i>	Số câu Số điểm %	Số câu Số điểm %	Số câu Số điểm %	Số câu Số điểm %				Số câu Số điểm	

Các bước cơ bản thiết lập ma trận đề kiểm tra: (minh họa tại phụ lục)

B1. Liệt kê tên các chủ đề (nội dung, chương...) cần kiểm tra;

B2. Viết các chuẩn cần đánh giá đối với mỗi cấp độ tư duy;

B3. Quyết định phân phối tỉ lệ % tổng điểm cho mỗi chủ đề (nội dung, chương...);

B4. Quyết định tổng số điểm của bài kiểm tra;

B5. Tính số điểm cho mỗi chủ đề (nội dung, chương...) tương ứng với tỉ lệ %;

B6. Tính tỉ lệ %, số điểm và quyết định số câu hỏi cho mỗi chuẩn tương ứng;

B7. Tính tổng số điểm và tổng số câu hỏi cho mỗi cột;

B8. Tính tỉ lệ % tổng số điểm phân phối cho mỗi cột;

B9. Đánh giá lại ma trận và chỉnh sửa nếu thấy cần thiết.

Cần lưu ý:

- Khi viết các chuẩn cần đánh giá đối với mỗi cấp độ tư duy:

+ Chuẩn được chọn để đánh giá là chuẩn có vai trò quan trọng trong chương trình môn học. Đó là chuẩn có thời lượng quy định trong phân phối chương trình nhiều và làm cơ sở để hiểu được các chuẩn khác.

+ Mỗi một chủ đề (nội dung, chương...) nên có những chuẩn đại diện được chọn để đánh giá.

+ Số lượng chuẩn cần đánh giá ở mỗi chủ đề (nội dung, chương...) tương ứng với thời lượng quy định trong phân phối chương trình dành cho chủ đề (nội dung, chương...) đó. Nên để số lượng các chuẩn kĩ năng và chuẩn đòi hỏi mức độ tư duy cao (vận dụng) nhiều hơn.

- Quyết định tỉ lệ % tổng điểm phân phối cho mỗi chủ đề (nội dung, chương...):

Căn cứ vào mục đích của đề kiểm tra, căn cứ vào mức độ quan trọng của mỗi chủ đề (nội dung, chương...) trong chương trình và thời lượng quy định trong phân phối chương trình để phân phối tỉ lệ % tổng điểm cho từng chủ đề.

- *Tính số điểm và quyết định số câu hỏi cho mỗi chuẩn tương ứng*

Căn cứ vào mục đích của đề kiểm tra để phân phối tỉ lệ % số điểm cho mỗi chuẩn cần đánh giá, ở mỗi chủ đề, theo hàng. Giữa ba cấp độ: nhận biết, thông hiểu, vận dụng theo thứ tự nên theo tỉ lệ phù hợp với chủ đề, nội dung và trình độ, năng lực của học sinh.

+ Căn cứ vào số điểm đã xác định ở B5 để quyết định số điểm và câu hỏi tương ứng, trong đó mỗi câu hỏi dạng TNKQ phải có số điểm bằng nhau.

+ Nếu đề kiểm tra kết hợp cả hai hình thức trắc nghiệm khách quan và tự luận thì cần xác định tỉ lệ % tổng số điểm của mỗi một hình thức sao cho thích hợp.

Bước 4. Biên soạn câu hỏi theo ma trận

Việc biên soạn câu hỏi theo ma trận cần đảm bảo nguyên tắc: loại câu hỏi, số câu hỏi và nội dung câu hỏi do ma trận đề quy định, mỗi câu hỏi TNKQ chỉ kiểm tra một chuẩn hoặc một vấn đề, khái niệm.

Để các câu hỏi biên soạn đạt chất lượng tốt, cần biên soạn câu hỏi thoả mãn các yêu cầu sau: (*ở đây trình bày 2 loại câu hỏi thường dùng nhiều trong các đề kiểm tra*)

a. Các yêu cầu đối với câu hỏi trắc nghiệm khách quan nhiều lựa chọn

1) Câu hỏi phải đánh giá những nội dung quan trọng của chương trình;

2) Câu hỏi phải phù hợp với các tiêu chí ra đề kiểm tra về mặt trình bày và số điểm tương ứng;

3) Câu dẫn phải đặt ra câu hỏi trực tiếp hoặc một vấn đề cụ thể;

4) Không **nên** trích dẫn nguyên văn những câu có sẵn trong sách giáo khoa;

5) Từ ngữ, cấu trúc của câu hỏi phải rõ ràng và dễ hiểu đối với mọi học sinh;

6) Mỗi phương án nhiễu phải hợp lý đối với những học sinh không nắm vững kiến thức;

7) Mỗi phương án sai nên xây dựng dựa trên các lỗi hay nhận thức sai lệch của học sinh;

8) Đáp án đúng của câu hỏi này phải độc lập với đáp án đúng của các câu hỏi khác trong bài kiểm tra;

9) Phần lựa chọn phải thống nhất và phù hợp với nội dung của câu dẫn;

10) Mỗi câu hỏi chỉ có một đáp án đúng, chính xác nhất;

11) Không đưa ra phương án *“Tất cả các đáp án trên đều đúng”* hoặc *“không có phương án nào đúng”*.

b. Các yêu cầu đối với câu hỏi tự luận

1) Câu hỏi phải đánh giá nội dung quan trọng của chương trình;

2) Câu hỏi phải phù hợp với các tiêu chí ra đề kiểm tra về mặt trình bày và số điểm tương ứng;

3) Câu hỏi yêu cầu học sinh phải vận dụng kiến thức vào các tình huống mới;

4) Câu hỏi thể hiện rõ nội dung và cấp độ tư duy cần đo;

5) Nội dung câu hỏi đặt ra một yêu cầu và các hướng dẫn cụ thể về cách thực hiện yêu cầu đó;

6) Yêu cầu của câu hỏi phù hợp với trình độ và nhận thức của học sinh;

7) Yêu cầu học sinh phải hiểu nhiều hơn là ghi nhớ những khái niệm, thông tin;

8) Ngôn ngữ sử dụng trong câu hỏi phải truyền tải được hết những yêu cầu của cán bộ ra đề đến học sinh;

9) Câu hỏi **nên** gợi ý về: Độ dài của bài luận; Thời gian để viết bài luận; Các tiêu chí cần đạt.

10) Nếu câu hỏi yêu cầu học sinh nêu quan điểm và chứng minh cho quan điểm của mình, câu hỏi cần nêu rõ: bài làm của học sinh sẽ được đánh giá dựa trên những lập luận logic mà học sinh đó đưa ra để chứng minh và bảo vệ quan điểm của mình chứ không chỉ đơn thuần là nêu quan điểm đó.

Bước 5. Xây dựng hướng dẫn chấm (đáp án) và thang điểm

Việc xây dựng hướng dẫn chấm (đáp án) và thang điểm đối với bài kiểm tra cần đảm bảo các yêu cầu:

Nội dung: khoa học và chính xác. Cách trình bày: cụ thể, chi tiết nhưng ngắn gọn và dễ hiểu, phù hợp với ma trận đề kiểm tra.

Cần hướng tới xây dựng bản mô tả các mức độ đạt được để học sinh có thể tự đánh giá được bài làm của mình (kỹ thuật Rubric).

Cách tính điểm

a. Đề kiểm tra trắc nghiệm khách quan

Cách 1: Lấy điểm toàn bài là 10 điểm và chia đều cho tổng số câu hỏi.

Ví dụ: Nếu đề kiểm tra có 40 câu hỏi thì mỗi câu hỏi được 0,25 điểm.

Cách 2: Tổng số điểm của đề kiểm tra bằng tổng số câu hỏi. Mỗi câu trả lời đúng được 1 điểm, mỗi câu trả lời sai được 0 điểm.

Sau đó qui điểm của học sinh về thang điểm 10 theo công thức:

$$\frac{10X}{X_{\max}}, \text{ trong đó } \begin{aligned} &+ X \text{ là số điểm đạt được của HS;} \\ &+ X_{\max} \text{ là tổng số điểm của đề.} \end{aligned}$$

Ví dụ: Nếu đề kiểm tra có 40 câu hỏi, mỗi câu trả lời đúng được 1 điểm, một học sinh làm được 32 điểm thì qui về thang điểm 10 là:

$$\frac{10.32}{40} = 8 \text{ điểm.}$$

b. Đề kiểm tra kết hợp hình thức tự luận và trắc nghiệm khách quan

Cách 1: Điểm toàn bài là 10 điểm. Phân phối điểm cho mỗi phần TL, TNKQ theo nguyên tắc: số điểm mỗi phần tỉ lệ thuận với thời gian dự kiến học sinh hoàn thành từng phần và mỗi câu TNKQ có số điểm bằng nhau.

Ví dụ: Nếu đề dành 30% thời gian cho TNKQ và 70% thời gian dành cho TL thì điểm cho từng phần lần lượt là 3 điểm và 7 điểm. Nếu có 12 câu TNKQ thì mỗi câu trả lời đúng sẽ được $\frac{3}{12} = 0,25$ điểm.

Cách 2: Điểm toàn bài bằng tổng điểm của hai phần. Phân phối điểm cho mỗi phần theo nguyên tắc: số điểm mỗi phần tỉ lệ thuận với thời gian dự kiến học sinh hoàn thành từng phần và mỗi câu TNKQ trả lời đúng được 1 điểm, sai được 0 điểm.

Khi đó cho điểm của phần TNKQ trước rồi tính điểm của phần TL theo công thức sau:

$$X_{TL} = \frac{X_{TN} \cdot T_{TL}}{T_{TN}}, \text{ trong đó}$$

- + X_{TN} là điểm của phần TNKQ;
- + X_{TL} là điểm của phần TL;
- + T_{TL} là số thời gian dành cho việc trả lời phần TL.
- + T_{TN} là số thời gian dành cho việc trả lời phần TNKQ.

Chuyển đổi điểm của học sinh về thang điểm 10 theo công thức:

$$\frac{10X}{X_{max}}, \text{ trong đó}$$

- + X là số điểm đạt được của HS;
- + X_{max} là tổng số điểm của đề.

Ví dụ: Nếu ma trận đề dành 40% thời gian cho TNKQ và 60% thời gian dành cho TL và có 12 câu TNKQ thì điểm của phần TNKQ là 12; điểm của phần tự luận là: $X_{TL} = \frac{12 \cdot 60}{40} = 18$. Điểm của toàn bài là: $12 + 18 = 30$. Nếu một học sinh đạt được 27 điểm thì qui về thang điểm 10 là: $\frac{10 \cdot 27}{30} = 9$ điểm.

c. Đề kiểm tra tự luận

Cách tính điểm tuân thủ chặt chẽ các bước từ B3 đến B7 phần Thiết lập ma trận đề kiểm tra, khuyến khích giáo viên sử dụng kỹ thuật Rubric trong việc tính điểm và chấm bài tự luận (*tham khảo các tài liệu về đánh giá kết quả học tập của học sinh*).

Bước 6. Xem xét lại việc biên soạn đề kiểm tra

Sau khi biên soạn xong đề kiểm tra cần xem xét lại việc biên soạn đề kiểm tra, gồm các bước sau:

1) Đối chiếu từng câu hỏi với hướng dẫn chấm và thang điểm, phát hiện những sai sót hoặc thiếu chính xác của đề và đáp án. Sửa các từ ngữ, nội dung nếu thấy cần thiết để đảm bảo tính khoa học và chính xác.

2) Đối chiếu từng câu hỏi với ma trận đề, xem xét câu hỏi có phù hợp với chuẩn cần đánh giá không? Có phù hợp với cấp độ nhận thức cần đánh giá không? Số điểm có thích hợp không? Thời gian dự kiến có phù hợp không? (giáo viên tự làm bài kiểm tra, thời gian làm bài của giáo viên bằng khoảng 70% thời gian dự kiến cho học sinh làm bài là phù hợp).

3) Thử đề kiểm tra để tiếp tục điều chỉnh cho phù hợp với mục tiêu, chuẩn chương trình và đối tượng học sinh (*nếu có điều kiện, hiện nay đã có một số phần mềm hỗ trợ cho việc này, giáo viên có thể tham khảo*).

4) Hoàn thiện đề, hướng dẫn chấm và thang điểm.